



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn
Ngày ký: 13/05/2025 13:43:09 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 30 + 31 + 32

Ngày 12 tháng 05 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

26/04/2025	Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục...	3
------------	--	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

26/04/2025	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND Về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên năm 2025	5
26/04/2025	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND Về chủ trương hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên	10
26/04/2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND Đặt tên đường và đổi tên công trình công cộng trên địa bàn thành phố Tuy Hòa	12
26/04/2025	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND Phân bổ ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu theo Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa ...	14

26/04/2025	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND Bổ sung chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025	17
26/04/2025	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

28/04/2025	Quyết định số 700/QĐ-UBND QUYẾT ĐỊNH Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo tàng tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	21
28/04/2025	Quyết định số 692/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch tỉnh Phú Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050	26

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

29/04/2025	Quyết định số 711/QĐ-UBND Về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ Sở Giao thông vận tải thành Sở Xây dựng	45
01/05/2025	Quyết định số 720/QĐ-UBND Về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đất đai, đo đạc và bản đồ, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y, thủy sản, môi trường, biển và hải đảo, địa chất và khoáng sản, thủy lợi, Quản lý...	52
06/05/2025	Quyết định số 728/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên	170
09/05/2025	Quyết định số 747/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh và lĩnh vực Thiết bị y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	178

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số:05/2025/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Phú Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2025***NGHỊ QUYẾT**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND quy định nội dung hồ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa, sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.*

Xét Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hồ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND quy định nội dung hồ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các

hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 2 như sau:

“b) Đối với đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 3 như sau:

“a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và Điều 57 Thông tư số 55/2023/TT-BTC”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản, Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025

1. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3.

2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 3.

3. Thay thế cụm từ “Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH” bằng cụm từ “Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH” tại khoản 1 Điều 4.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 5 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:19/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã
của tỉnh Phú Yên năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 27

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo hồ sơ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên năm 2025, như sau:

1. Thành lập **phường Tuy Hòa** trên cơ sở nhập Phường 1, Phường 2, Phường 4, Phường 5, Phường 7; một phần của Phường 9 thuộc thành phố Tuy Hòa - khu vực phía Nam đường Nguyễn Hữu Thọ, với diện tích tự nhiên 3,07 km² và dân số 7.427 người (gồm các khu phố: Ninh Tịnh 2; Ninh Tịnh 4; Ninh Tịnh 5; một phần khu phố Ninh Tịnh 3; một phần khu phố Ninh Tịnh 6; một phần khu phố Phước Hậu 2); đồng

thời, điều chỉnh nhập thêm một phần của xã Hòa An thuộc huyện Phú Hòa - khu vực phía Đông đường bộ cao tốc Bắc - Nam hướng về thành phố Tuy Hòa (bao gồm cả phần đường cao tốc) với diện tích tự nhiên 11,62 km² và dân số 18.771 người (gồm các thôn: Đông Phước, Đông Bình, Ân Niên, một phần thôn Phú Ân và một phần thôn Vĩnh Phú) vào phường Tuy Hòa; điều chỉnh nhập thêm một phần của xã Hòa Trị thuộc huyện Phú Hòa - khu vực phía Đông đường bộ cao tốc Bắc - Nam hướng về thành phố Tuy Hòa (bao gồm cả phần đường cao tốc) với diện tích tự nhiên 7,04 km² và dân số 11.239 người (gồm các thôn: Phước Khánh, Qui Hậu, một phần thôn Phụng Tường 1 và đường cao tốc Bắc - Nam đi qua: đoạn từ điểm đầu ranh giới xã Hòa An, huyện Phú Hòa đến điểm cuối giao với đường Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hòa nối dài có chiều dài khoảng 8km) vào phường Tuy Hòa. Sau sắp xếp, **phường Tuy Hòa** có diện tích tự nhiên 33,77 km², quy mô dân số 126.118 người.

2. Thành lập **phường Phú Yên** trên cơ sở nhập phường Phú Đông, phường Phú Lâm, phường Phú Thạnh thuộc thành phố Tuy Hòa; xã Hòa Thành thuộc thị xã Đông Hòa. Đồng thời, điều chỉnh nhập thêm một phần khu phố Uất Lâm, phường Hòa Hiệp Bắc thuộc thị xã Đông Hòa (khu vực sân bay dân sự và quân sự) với diện tích tự nhiên 2,05 km² và dân số 200 người vào phường Phú Yên và điều chỉnh nhập thêm một phần thôn Phú Nông, xã Hòa Bình 1 thuộc huyện Tây Hòa - khu vực phía Đông đường bộ cao tốc Bắc - Nam hướng về thành phố Tuy Hòa (bao gồm cả phần đường cao tốc), với diện tích tự nhiên 3,55 km² và dân số 4.272 người vào phường Phú Yên. Sau sắp xếp, **phường Phú Yên** có diện tích tự nhiên 44,04 km², quy mô dân số 61.799 người.

3. Thành lập **phường Bình Kiến** trên cơ sở nhập Phường 9 (gồm khu phố Thanh Đức, khu phố Liên Trì 1, khu phố Liên Trì 2, khu phố Phước Hậu 1, một phần khu phố Ninh Tịnh 3, một phần khu phố Phước Hậu 2, một phần khu phố Ninh Tịnh 6) phía Bắc đường Nguyễn Hữu Thọ và xã An Phú, xã Bình Kiến, xã Hòa Kiến thuộc thành phố Tuy Hòa. Sau sắp xếp, **phường Bình Kiến** có diện tích tự nhiên 73,71 km², quy mô dân số 44.406 người.

4. Thành lập **phường Xuân Đài** trên cơ sở nhập phường Xuân Đài và phường Xuân Thành thuộc thị xã Sông Cầu. Sau sắp xếp, **phường Xuân Đài** có diện tích tự nhiên 13,40 km², quy mô dân số 21.574 người.

5. Thành lập **phường Sông Cầu** trên cơ sở nhập phường Xuân Yên, phường Xuân Phú, xã Xuân Phương và xã Xuân Thịnh thuộc thị xã Sông Cầu. Sau sắp xếp, **phường Sông Cầu** có diện tích tự nhiên 90,49 km², quy mô dân số 38.891 người.

6. Thành lập **xã Xuân Thọ** trên cơ sở nhập xã Xuân Thọ 1, xã Xuân Thọ 2 và xã Xuân Lâm thuộc thị xã Sông Cầu. Sau sắp xếp, **xã Xuân Thọ** có diện tích tự nhiên 192,12 km², quy mô dân số 10.793 người.

7. Thành lập **xã Xuân Cảnh** trên cơ sở nhập xã Xuân Cảnh và xã Xuân Bình thuộc thị xã Sông Cầu. Sau sắp xếp, **xã Xuân Cảnh** có diện tích tự nhiên 83,81 km², quy mô dân số 23.972 người.

8. Thành lập **xã Xuân Lộc** trên cơ sở nhập xã Xuân Lộc và xã Xuân Hải thuộc thị xã Sông Cầu. Sau sắp xếp, **xã Xuân Lộc** có diện tích tự nhiên 114,01 km², quy mô dân số 27.609 người.

9. Thành lập **phường Đông Hòa** trên cơ sở nhập phường Hòa Vinh, phường Hòa Xuân Tây và xã Hòa Tân Đông thuộc thị xã Đông Hòa. Sau sắp xếp, **phường Đông Hòa** có diện tích tự nhiên 77,54 km², quy mô dân số 47.632 người.

10. Thành lập **phường Hòa Hiệp** trên cơ sở nhập phường Hòa Hiệp Trung, phường Hòa Hiệp Nam và phường Hòa Hiệp Bắc thuộc thị xã Đông Hòa (*trừ một phần khu phố Uất Lâm, phường Hòa Hiệp Bắc là khu vực sân bay dân sự và quân sự đã chuyển sang phường Phú Yên*). Sau sắp xếp, **phường Hòa Hiệp** có diện tích tự nhiên 40,81 km², quy mô dân số 53.597 người.

11. Thành lập **xã Hòa Xuân** trên cơ sở nhập xã Hòa Xuân Đông, xã Hòa Xuân Nam và xã Hòa Tâm thuộc thị xã Đông Hòa. Sau sắp xếp, **xã Hòa Xuân** có diện tích tự nhiên 129,33 km², quy mô dân số 22.962 người.

12. Thành lập **xã Tuy An Bắc** trên cơ sở nhập thị trấn Chí Thạnh, xã An Dân và xã An Định thuộc huyện Tuy An. Sau sắp xếp, **xã Tuy An Bắc** có diện tích tự nhiên 52,32 km², quy mô dân số 26.174 người.

13. Thành lập **xã Tuy An Đông** trên cơ sở nhập xã An Ninh Đông, xã An Ninh Tây và xã An Thạch thuộc huyện Tuy An. Sau sắp xếp, **xã Tuy An Đông** có diện tích tự nhiên 46,05 km², quy mô dân số 40.108 người.

14. Thành lập **xã Ô Loan** trên cơ sở nhập xã An Hiệp, xã An Hòa Hải và xã An Cư thuộc huyện Tuy An. Sau sắp xếp, **xã Ô Loan** có diện tích tự nhiên 103,48 km², quy mô dân số 40.278 người.

15. Thành lập **xã Tuy An Nam** trên cơ sở nhập xã An Thọ, xã An Mỹ và xã An Chấn thuộc huyện Tuy An. Sau sắp xếp, **xã Tuy An Nam** có diện tích tự nhiên 69,99 km², quy mô dân số 29.805 người.

16. Thành lập **xã Tuy An Tây** trên cơ sở nhập xã An Nghiệp, xã An Xuân và xã An Lĩnh thuộc huyện Tuy An. Sau sắp xếp, **xã Tuy An Tây** có diện tích tự nhiên 136,20 km², quy mô dân số 12.913 người.

17. Thành lập **xã Phú Hòa 1** trên cơ sở nhập thị trấn Phú Hòa, xã Hòa Thắng, xã Hòa Định Đông, xã Hòa Định Tây, xã Hòa Hội và một phần thôn Vĩnh Phú, một phần thôn Phú Ân, xã Hòa An thuộc huyện Phú Hòa - khu vực phía Tây đường bộ cao tốc Bắc - Nam (*trừ các thôn của xã Hòa An đã chuyển sang phường Tuy Hòa*). Sau sắp xếp, **xã Phú Hòa 1** có diện tích tự nhiên 142,54 km², quy mô dân số 54.212 người.

18. Thành lập **xã Phú Hòa 2** trên cơ sở nhập xã Hòa Quang Nam, xã Hòa Quang Bắc và một phần xã Hòa Trị thuộc huyện Phú Hòa - khu vực phía Tây đường bộ cao tốc Bắc - Nam (*gồm thôn Phụng Tường 2, thôn Long Phụng và một phần thôn Phụng Tường 1*). Sau sắp xếp, **xã Phú Hòa 2** có diện tích tự nhiên 95,78 km², quy mô dân số 38.691 người.

19. Thành lập **xã Tây Hòa** trên cơ sở nhập thị trấn Phú Thứ, xã Hòa Bình 1 (*trừ thôn Phú Nông - khu vực phía Đông đường bộ cao tốc Bắc - Nam đã chuyển sang phường Phú Yên*), xã Hòa Phong, xã Hòa Tân Tây thuộc huyện Tây Hòa. Sau sắp xếp, **xã Tây Hòa** có diện tích tự nhiên 55,14 km², quy mô dân số 49.720 người.

20. Thành lập **xã Hòa Thịnh** trên cơ sở nhập xã Hòa Thịnh và xã Hòa Đồng thuộc huyện Tây Hòa. Sau sắp xếp, **xã Hòa Thịnh** có diện tích tự nhiên 159,23 km², quy mô dân số 30.602 người.

21. Thành lập **xã Hòa Mỹ** trên cơ sở nhập xã Hòa Mỹ Đông và xã Hòa Mỹ Tây thuộc huyện Tây Hòa. Sau sắp xếp, **xã Hòa Mỹ** có diện tích tự nhiên 190,14 km², quy mô dân số 26.530 người.

22. Thành lập **xã Sơn Thành** trên cơ sở nhập xã Sơn Thành Đông, xã Sơn Thành Tây và xã Hòa Phú thuộc huyện Tây Hòa. Sau sắp xếp, **xã Sơn Thành** có diện tích tự nhiên 218,11 km², quy mô dân số 27.838 người.

23. Thành lập **xã Sơn Hòa** trên cơ sở nhập thị trấn Củng Sơn, xã Suối Bạc, xã Sơn Hà, xã Sơn Nguyên và xã Sơn Phước thuộc huyện Sơn Hòa. Sau sắp xếp, **xã Sơn Hòa** có diện tích tự nhiên 267,39 km², quy mô dân số 40.825 người.

24. Thành lập **xã Vân Hòa** trên cơ sở nhập xã Sơn Long, xã Sơn Xuân và xã Sơn Định thuộc huyện Sơn Hòa. Sau sắp xếp, **xã Vân Hòa** có diện tích tự nhiên 151,47 km², quy mô dân số 6.661 người.

25. Thành lập **xã Tây Sơn** trên cơ sở nhập xã Sơn Hội, xã Cà Lúi và xã Phước Tân thuộc huyện Sơn Hòa. Sau sắp xếp, **xã Tây Sơn** có diện tích tự nhiên 334,62 km², quy mô dân số 11.052 người.

26. Thành lập **xã Suối Trai** trên cơ sở nhập xã Suối Trai, xã Ea Chà Rang và xã Krông Pa thuộc huyện Sơn Hòa. Sau sắp xếp, **xã Suối Trai** có diện tích tự nhiên 186,95 km², quy mô dân số 11.387 người.

27. Thành lập **xã Ea Ly** trên cơ sở nhập xã Ea Ly, xã Ea Lâm; đồng thời, điều chỉnh nhập thêm thôn Tân An thuộc xã Ea Bar thuộc huyện Sông Hinh với diện tích tự nhiên 22,20 km² và dân số 1.345 người. Sau sắp xếp, **xã Ea Ly** có diện tích tự nhiên 140,35 km², quy mô dân số 12.104 người.

28. Thành lập **xã Ea Bá** trên cơ sở nhập xã Ea Bá và xã Ea Bar thuộc huyện Sông Hinh (*trừ thôn Tân An thuộc xã Ea Bar đã chuyển sang xã Ea Ly*). Sau sắp xếp, **xã Ea Bá** có diện tích tự nhiên 131,79 km², quy mô dân số 8.316 người.

29. Thành lập **xã Đức Bình** trên cơ sở nhập xã Đức Bình Đông, xã Đức Bình Tây và xã Sơn Giang; đồng thời, điều chỉnh nhập thêm Buôn Dôn Chách thuộc xã Ea Bia, huyện Sông Hinh với diện tích tự nhiên 6,64 km² và dân số 308 người. Sau sắp xếp, **xã Đức Bình** có diện tích tự nhiên 160,36 km², quy mô dân số 15.896 người.

30. Thành lập **xã Sông Hinh** trên cơ sở nhập thị trấn Hai Riêng, xã Ea Trol, xã Sông Hinh và xã Ea Bia (*trừ Buôn Dôn Chách đã chuyển sang xã Đức Bình*) thuộc huyện Sông Hinh. Sau sắp xếp, **xã Sông Hinh** có diện tích tự nhiên 460,13 km², quy mô dân số 23.841 người.

31. Thành lập **xã Xuân Lãnh** trên cơ sở nhập xã Xuân Lãnh và xã Đa Lộc thuộc huyện Đồng Xuân. Sau sắp xếp, **xã Xuân Lãnh** có diện tích tự nhiên 174,65 km², quy mô dân số 15.933 người.

32. Thành lập **xã Phú Mỡ** trên cơ sở nhập xã Phú Mỡ và xã Xuân Quang 1 thuộc huyện Đồng Xuân. Sau sắp xếp, **xã Phú Mỡ** có diện tích tự nhiên 547,20 km², quy mô dân số 9.007 người.

33. Thành lập **xã Xuân Phước** trên cơ sở nhập xã Xuân Quang 3 và xã Xuân Phước thuộc huyện Đồng Xuân. Sau sắp xếp, **xã Xuân Phước** có diện tích tự nhiên 102,81 km², quy mô dân số 16.197 người.

34. Thành lập **xã Đồng Xuân** trên cơ sở nhập xã Xuân Sơn Nam, xã Xuân Sơn Bắc, xã Xuân Long, xã Xuân Quang 2 và thị trấn La Hai thuộc huyện Đồng Xuân. Sau

sắp xếp, **xã Đồng Xuân** có diện tích tự nhiên 206,26 km², quy mô dân số 26.907 người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:20/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về chủ trương hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 27

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đắk Lắk, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay, có diện tích tự nhiên 18.096,40 km² và quy mô dân số khoảng 3.346.853 người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:21/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
Đặt tên đường và đổi tên công trình công cộng
trên địa bàn thành phố Tuy Hòa****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 27**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết đặt tên đường và đổi tên công trình công cộng trên địa bàn thành phố Tuy Hòa; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Đặt tên cho 01 tuyến đường và đổi tên 01 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Tuy Hòa**

- Đặt tên cho đường số 14 (điểm đầu tại nút giao với đường Độc Lập - điểm cuối tại nút giao với Đại lộ Nguyễn Tất Thành; rộng 40m; dài 2.069,78m) thành tên **đường 1 tháng 4**.

- Đổi tên Quảng trường 1 tháng 4 (đường Lê Duẩn, Phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; quy mô: 49.224m²) thành tên **Quảng trường Phú Yên**.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:23/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu theo Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 27

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 với số tiền 39.163 triệu đồng, gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng vốn	
		Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Huyện Tuy An		3.312
2	Thị xã Đông Hòa		2.586
3	Huyện Tây Hòa		2.941
4	Huyện Phú Hòa		3.163
5	Huyện Đồng Xuân		3.917
6	Huyện Sông Hinh		3.697
7	Huyện Sơn Hòa		3.314
8	Thị xã Sông Cầu		3.015
9	Thành phố Tuy Hòa		2.437
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1.625	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.340	
12	Sở Y tế	1.301	
13	Sở Tài chính	5	
14	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	210	
15	Sở Tư Pháp	400	
16	Hội Nông dân tỉnh	100	
17	Hội Cựu Chiến binh tỉnh	200	
18	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	200	
19	Sở Nội vụ	5.400	
	Tổng cộng	10.781	28.382

Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương theo Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Bổ sung chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội vào
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 27**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về giao chỉ tiêu hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2025 và các năm tiếp theo đến năm 2030 để các địa phương bổ sung vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 54/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; số 02/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8%;

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 là 1.000 căn hộ.

Điều 2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh và bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Dành quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân

- Trong quá trình điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải lưu ý bố trí quỹ đất để xây dựng nhà ở xã hội tại các khu đất thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng và kết nối hạ tầng kỹ thuật.

- Chủ động đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối khu đất và dành các quỹ đất sạch, thuận lợi để phát triển nhà ở xã hội.

2. Huy động nguồn lực để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân

- Dành một phần kế hoạch vốn đầu tư công để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Phú Yên tăng cường tuyên truyền, phổ biến văn bản, hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam giúp người dân hiểu rõ, tham gia vay vốn tín dụng theo quy định nhằm thực hiện hiệu quả chương trình cho vay nhà ở xã hội. Tiếp tục triển khai cho vay ưu đãi để mua nhà ở xã hội; xây dựng nhà ở theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai cho vay ưu đãi để mua nhà ở xã hội; xây dựng nhà ở đảm bảo theo đúng quy định.

- Phối hợp Ngân hàng Nhà nước khu vực 10 kịp thời triển khai hiệu quả các gói tín dụng ưu đãi để các chủ đầu tư và người dân dễ tiếp cận loại hình nhà ở này.

- Tập trung triển khai các thủ tục liên quan để trong năm 2025 có thể tổ chức lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện một số dự án thuộc danh mục các khu đất lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực phát triển nhà ở xã hội.

3. Cơ chế chính sách phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân

- Rà soát, nghiên cứu rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến phát triển nhà ở xã hội.

- Tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, đảm bảo dự án thực hiện đúng chủ trương đầu tư đã được phê duyệt và các quy định pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp gắn với từng tháng, quý.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh giám sát, động viên Nhân dân trong tỉnh thực hiện tốt Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:25/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Phú Yên****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 27***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Thống nhất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 01 dự án, với tổng diện tích rừng 20,2339 ha. Trong đó: rừng phòng hộ: 13,024 ha; rừng sản xuất: 7,2099 ha.*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)***Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Cao Thị Hòa An**

Phụ lục
DỰ ÁN CHO CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số:25/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện dự án		Tổng diện tích đất (khoảng ha)	Tổng diện tích đất có rừng trồng (ha)	Loại rừng		
		Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố			Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
	Các dự án, công trình thuộc trường hợp HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 01 dự án với tổng diện tích rừng: 20,2339ha.							
Tổng cộng				73,94	20,2339		13,024	7,2099
I	Huyện: Đồng Xuân, Sông Hinh			73,94	20,2339		13,024	7,2099
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Phú Yên	Xuân Lãnh, Phú Mỹ, Sơn Giang, Đức Bình Đông, Ea Bar, Ea Bá.	Đồng Xuân, Sông Hinh	73,94	20,2339		13,024	7,2099

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN
Số:700/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phú Yên, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Bảo tàng tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức và hoạt động của Bảo tàng;

Căn cứ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 24/9/2008 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thành lập Bảo tàng tỉnh thuộc Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1170/TTr-SVHTTDL ngày 04/4/2025 và ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 701/SNV-TCCB ngày 01/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo tàng tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Bảo tàng tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo tàng tỉnh
trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:700/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Yên)*

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Bảo tàng tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền các sưu tập hiện vật, tài liệu về lịch sử tự nhiên và xã hội nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giáo dục, tham quan và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; tổ chức tiếp nhận, bảo quản các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do tổ chức, cá nhân giao nộp và thu giữ ở địa phương theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể, lập hồ sơ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh ở địa phương trình cơ quan có thẩm quyền xếp hạng theo quy định; tổ chức các hoạt động dịch vụ và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bảo tàng tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Bảo tàng tỉnh chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổ chức và hoạt động, đồng thời chịu sự hướng dẫn chuyên môn của Cục Di sản văn hóa thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Bảo tàng tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, có trụ sở và được cấp kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định.

4. Trụ sở làm việc tại địa chỉ: Số 151 Trần Phú, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng kế hoạch, dự án, đề án, chương trình hoạt động dài hạn, ngắn hạn và hàng năm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bảo tàng tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh các đề án, kế hoạch dài hạn, trung hạn, các định hướng phát triển bảo tàng ở địa phương.

3. Nghiên cứu khoa học về di sản văn hóa; sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể; kiểm kê, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền các sưu tập hiện vật, tài liệu về lịch sử tự nhiên và xã hội nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giáo dục, tham quan và hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

4. Tổ chức tiếp nhận, bảo quản các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do tổ chức, cá nhân giao nộp và thu giữ ở địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

5. Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học, cán bộ quản lý về chuyên ngành Bảo tàng và các ngành khoa học có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển của Bảo tàng.

6. Thực hiện nội dung hoạt động và thành lập Hội đồng khoa học của Bảo tàng; tổ chức hoạt động giáo dục, truyền thông và dịch vụ của Bảo tàng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bảo tàng tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể, lập hồ sơ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh ở địa phương trình cơ quan có thẩm quyền xếp hạng theo quy định.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế về bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa theo phân công của lãnh đạo Sở.

9. Tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo an ninh, an toàn cho khách đến tham quan Bảo tàng tỉnh.

10. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức làm công tác bảo tàng của tỉnh.

11. Quản lý tổ chức bộ máy, nhân sự, thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức và người lao động; quản lý tài sản, tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bảo tàng tỉnh theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức các hoạt động, dịch vụ có thu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với quy định của pháp luật.

13. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Bảo tàng gồm: Lãnh đạo Bảo tàng, viên chức và người lao động.

1. Lãnh đạo Bảo tàng tỉnh gồm Giám đốc và Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định hiện hành.

Giám đốc Bảo tàng tỉnh chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Bảo tàng tỉnh.

Phó Giám đốc Bảo tàng tỉnh chịu trách nhiệm trước Giám đốc Bảo tàng tỉnh và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Bảo tàng tỉnh.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, từ chức và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Bảo tàng tỉnh được thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo phân cấp quản lý cán bộ, viên chức.

2. Viên chức, người lao động của Bảo tàng tỉnh

Số lượng người làm việc của Bảo tàng tỉnh được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ và nằm trong tổng số lượng người làm việc của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao hằng năm. Giám đốc Bảo tàng tỉnh có trách nhiệm bố trí, quản lý, sử dụng viên chức, người lao động phù hợp với vị trí

việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế của đơn vị.

Viên chức, người lao động của Bảo tàng tỉnh chịu trách nhiệm trước Giám đốc Bảo tàng tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ công tác được phân công.

Việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với viên chức, người lao động của Bảo tàng tỉnh được thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo phân cấp quản lý viên chức, người lao động.

Điều 4. Cơ chế tài chính, quản lý và sử dụng tài sản

1. Cơ chế tài chính của Bảo tàng tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bảo tàng tỉnh có trách nhiệm quản lý tài sản nhà nước theo quy định hiện hành về quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Bảo tàng tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo tàng tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:692/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch tỉnh Phú Yên
giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Du lịch năm 2017;

Căn cứ Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 382/QĐ-TTg ngày 21/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống du lịch;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 09/CTr-TU ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy tỉnh Phú Yên về đầu tư phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh vào năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về đầu tư phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, phấn đấu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh vào năm 2030;

Căn cứ Kết luận số 741-KL/TU ngày 22/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Đề án “Phát triển du lịch tỉnh Phú Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1485/TTr-SVHTTDL ngày 24/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển du lịch tỉnh Phú Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển du lịch tỉnh Phú Yên với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn và là ngành kinh tế tổng hợp; tạo động lực trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; có hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa; thúc đẩy mạnh mẽ tái cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tăng dần tỷ trọng đóng góp của khối ngành dịch vụ - du lịch trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); tạo động lực thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác phát triển.

- Phát huy lợi thế khác biệt về tiềm năng du lịch Phú Yên với vị trí địa lý thuận lợi nằm trên trục giao thông Bắc-Nam với đường bộ, đường sắt đi ngang, có cảng hàng không, cảng biển, có Quốc lộ 29 kết nối Tây nguyên, có cảnh quan thiên nhiên đa dạng, khí hậu trong lành, văn hóa sâu sắc, con người hiền hòa để tập trung khai thác, phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch đặc thù nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của du khách và tạo ấn tượng bởi tính thuận tiện, độc đáo, nguyên sơ, sáng tạo, từng bước tạo dựng thương hiệu du lịch Phú Yên.

- Tiếp cận xu thế phát triển du lịch trong nước và quốc tế trong đổi mới, sáng tạo, trong chuyển đổi số, số hóa trong phát triển du lịch; Ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của khoa học công nghệ và phát huy yếu tố con người để tạo đột phá trong phát triển sản phẩm và xây dựng thương hiệu du lịch, đảm bảo cho phát triển du lịch bền vững ở Phú Yên.

- Phát triển đồng thời cả thị trường du lịch nội địa và quốc tế, trong đó giữ mức tăng trưởng cao của thị trường nội địa, kết hợp đẩy mạnh xúc tiến các thị trường quốc tế, đặc biệt là phân đoạn thị trường chi trả cao, lưu trú dài ngày, du lịch mạo hiểm, các phân đoạn thị trường khắc phục tính mùa của du lịch nội địa và điều kiện khí hậu thời tiết ở Phú Yên, các phân đoạn thị trường “ngách” ít cạnh tranh.

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại, áp dụng các mô hình tiên tiến cho phát triển du lịch.

- Phát triển du lịch xanh, gắn với tôn tạo, gìn giữ cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa, đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội, tạo thuận lợi cho cộng đồng tham gia làm du lịch trên quan điểm lấy người dân làm trung tâm, người dân cùng tham gia làm du lịch và được hưởng lợi từ du lịch, góp phần cải thiện sinh kế và nâng cao mức sống của người dân, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển du lịch gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng môi trường du lịch an toàn, thân thiện, mến khách.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Phú Yên trở thành trung tâm du lịch, dịch vụ lớn trong khu vực và cả nước. Phân đấu đưa du lịch Phú Yên trở thành một điểm nhấn quan trọng trong liên kết phát triển du lịch giữa các tỉnh Tây Nguyên và duyên hải Miền Trung, tạo nền tảng đến năm 2030, du lịch Phú Yên trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có đóng góp lớn vào nền kinh tế của tỉnh, công nghiệp “sạch” mang bản

sắc riêng của Phú Yên và khu vực.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Các chỉ tiêu chính:

a. Về khách du lịch

- Năm 2025: Thu hút được khoảng trên 4,5 triệu lượt khách, trong đó:
 - + Khách du lịch quốc tế: 45 nghìn lượt, trong đó có 34 nghìn lượt lưu trú.
 - + Khách du lịch nội địa: 4,455 triệu lượt, trong đó có khoảng 2,7 triệu lượt khách lưu trú.
- Phân đầu đến năm 2030: Thu hút được trên 7 triệu lượt khách, trong đó:
 - + Khách du lịch quốc tế: 600 nghìn lượt, trong đó có 460 nghìn lượt khách lưu trú.
 - + Khách du lịch nội địa: 6,4 triệu lượt, trong đó có 4 triệu lượt lưu trú.
- Phân đầu đến năm 2050: Thu hút được trên 30 triệu lượt khách, trong đó:
 - + Khách du lịch quốc tế: 9 triệu lượt, trong đó có khoảng 7,2 triệu lượt khách lưu trú.
 - + Khách du lịch nội địa: 21 triệu lượt, trong đó có khoảng 13,5 triệu lượt khách lưu trú.

b. Về tổng thu từ khách du lịch

- Năm 2025 đạt khoảng 11.000 tỷ đồng.
- Phân đầu đến năm 2030 đạt khoảng 20.000 - 23.000 tỷ đồng.
- Phân đầu đến năm 2050 đạt khoảng 77.000 - 186.000 tỷ đồng.

c. Về đóng góp của du lịch trong cơ cấu GRDP của tỉnh

- Năm 2025 đạt khoảng 7.500 tỷ đồng; chiếm 7,4 % trong GRDP.
- Đến năm 2030 đạt 11.500 - 14.200 tỷ đồng; đạt 10%, phân đầu đạt trên 15% trong GRDP.

- Đến năm 2050 đạt 50.000 - 97.500 tỷ đồng.

d. Về ngày lưu trú bình quân:

- Đến năm 2025:
 - + Khách lưu trú quốc tế: 2,6 ngày/lượt khách.
 - + Khách lưu trú nội địa: 1,8 ngày/lượt khách.
- Đến năm 2030:
 - + Khách lưu trú quốc tế: 3 ngày/lượt khách.
 - + Khách lưu trú nội địa: 2,2 ngày/lượt khách.
- Đến năm 2050:
 - + Khách lưu trú quốc tế: 3,5 ngày/lượt khách.
 - + Khách lưu trú nội địa: 3 ngày/lượt khách.

đ. Về cơ sở lưu trú du lịch

- Năm 2025, toàn tỉnh cần có 8.500 - 9.000 buồng lưu trú.
- Phân đầu đến năm 2030, toàn tỉnh cần có 16.900 - 20.800 buồng lưu trú.
- Phân đầu đến năm 2050, toàn tỉnh cần có 33.000 - 46.000 buồng lưu trú.

e. Về lao động ngành du lịch

- Năm 2025, toàn tỉnh cần có 24.300 lao động du lịch, trong đó có 8.100 lao động trực tiếp.
- Phân đầu đến năm 2030, toàn tỉnh cần có 46.200 lao động du lịch, trong đó có 15.400 lao động trực tiếp.

- Phân đầu đến năm 2050, toàn tỉnh cần có 102.300 lao động du lịch, trong đó có 34.100 lao động trực tiếp.

g. Về nhu cầu vốn đầu tư

- Giai đoạn 2026 - 2030 cần thu hút được khoảng 13.250 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2031 - 2050 cần thu hút được khoảng 77.000 tỷ đồng.

h. Về môi trường

- Phân đầu đạt 100% người dân và doanh nghiệp tham gia hoạt động du lịch có thái độ, văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường, lịch sự với khách du lịch.

- Phân đầu 100% cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch áp dụng công nghệ sạch đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, nhà hàng, vui chơi giải trí phải có biện pháp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định và đảm bảo thu gom, xử lý chất thải, rác thải đạt 100%.

II. CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH PHÚ YÊN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

Với những giá trị cạnh tranh nổi bật nhất về vị trí địa lý, thiên nhiên, lịch sử, văn hóa, hạ tầng giao thông và lợi thế “người đi sau”; trên cơ sở bám sát đặc điểm tài nguyên du lịch của tỉnh, phát huy lợi thế so sánh của các giá trị tài nguyên du lịch đặc trưng, cốt lõi để xây dựng các dòng sản phẩm du lịch đặc thù, khác biệt, tạo thương hiệu riêng và có sức cạnh tranh cao; đồng thời vừa đảm bảo tính trọng tâm, trọng điểm, vừa đảm bảo tính đa dạng hóa để đáp ứng nhu cầu của thị trường; phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành du lịch cả nước và du lịch khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, đảm bảo tính kết nối trong vùng và liên vùng, toàn diện, lâu dài và bền vững trên cơ sở không gian phát triển mở rộng; phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và tình hình thực tế tại địa phương; phù hợp với bối cảnh phát triển mới, những xu hướng du lịch mới trong nước và trên thế giới. Phát triển đồng bộ các nhóm sản phẩm du lịch của tỉnh Phú Yên theo thứ tự ưu tiên gồm: Nhóm sản phẩm du lịch đặc thù; Nhóm sản phẩm du lịch chủ đạo; Nhóm sản phẩm du lịch bổ trợ. Cụ thể như sau:

1.1. Nhóm sản phẩm du lịch đặc thù: Tập trung, ưu tiên phát triển 2 nhóm sản phẩm du lịch đặc thù, bao gồm:

a. Nhóm sản phẩm “Du lịch Phú Yên - Miền di sản thiên nhiên và di sản Văn hóa Đá” gắn với Công viên địa chất Phú Yên, thành sản phẩm du lịch đặc thù có ý nghĩa cấp vùng duyên hải Nam Trung Bộ và cấp quốc gia.

Định hướng phát triển sản phẩm “Du lịch Phú Yên - Miền di sản thiên nhiên và di sản Văn hóa Đá” theo từng giai đoạn cụ thể như sau:

Giai đoạn 2025 - 2030: Khai thác các giá trị tài nguyên hiện có liên quan đến “Di sản đá tự nhiên” và “Di sản Văn hóa Đá” phát triển đa dạng dịch vụ du lịch phục vụ du lịch đại chúng (du lịch đại trà) trong giới hạn sức chịu tải môi trường, sức chứa không gian tài nguyên và có tính toán đến yếu tố bảo tồn. Thành lập Công viên địa chất Phú Yên và lập hồ sơ trình UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu để bảo tồn, khai thác bền vững các giá trị di sản địa chất, di sản văn hóa và đa dạng sinh học trong vùng, phục vụ các hoạt động du lịch nghiên cứu, khám phá, trải nghiệm.

Giai đoạn 2031 - 2050: Khai thác nâng cao các giá trị tài nguyên du lịch gắn với di sản thiên nhiên và văn hóa đá để phát triển mở rộng thêm các dịch vụ

du lịch chất lượng, đẳng cấp, hướng đến các phân khúc thị trường khách cao cấp, khách trí thức, nâng cấp sản phẩm “*Du lịch Phú Yên - Miền di sản thiên nhiên và Di sản Văn hóa Đá*” mang thương hiệu quốc tế sau khi Công viên địa chất Phú Yên trở thành Công viên địa chất toàn cầu UNESCO và đệ trình Hồ sơ công nhận di sản thiên nhiên thế giới cho gành Đá Đĩa.

b. Phát triển nhóm sản phẩm “Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ trên núi” thành sản phẩm du lịch đặc thù của Phú Yên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ

Định hướng phát triển sản phẩm “*Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Hồ trên núi*” theo từng giai đoạn cụ thể như sau:

Giai đoạn 2025 - 2030: Khai thác, phát triển trọng tâm, trọng điểm một số khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi, hồ tại những địa phương có giá trị tài nguyên du lịch hồ độc đáo cả về giá trị cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu và văn hóa bản địa. Định hướng đến năm 2030 có ít nhất 02 khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ đi vào hoạt động.

Giai đoạn 2031 - 2050: Khai thác mở rộng sản phẩm du lịch sinh thái hồ sang các địa phương khác có tiềm năng, hình thành “chuỗi du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi, hồ” tại các địa phương phía Tây của tỉnh.

1.2. Nhóm sản phẩm du lịch chủ đạo: Đẩy mạnh phát triển 04 dòng sản phẩm du lịch chủ đạo gồm: Du lịch biển, đảo; du lịch văn hóa; du lịch nông nghiệp - nông thôn; du lịch sinh thái.

a. Du lịch biển, đảo

Giai đoạn 2025 - 2030:

- Phát triển đa dạng sản phẩm, dịch vụ du lịch biển, đảo đáp ứng đồng thời thị trường khách cao cấp và khách đại trà, khách nội địa và khách quốc tế. Đây là giai đoạn Phú Yên cần tập trung thu hút khách du lịch, gia tăng số lượng khách, cả khách cao cấp và khách đại trà nhằm rút ngắn khoảng cách phát triển với các địa phương lân cận.

- Các sản phẩm, dịch vụ du lịch chủ đạo ưu tiên khai thác: Nghỉ dưỡng trên mặt nước (du thuyền, nhà nổi bungalow), nghỉ dưỡng cao cấp trên bờ; du thuyền, tham quan trải nghiệm trên nước, tham quan thắng cảnh biển, check-in; thể thao mặt nước; lặn biển ngắm san hô, khám phá hệ sinh thái biển; câu cá biển; thưởng thức ẩm thực đặc sản biển; vui chơi, giải trí trên bờ; lễ hội - sự kiện, du lịch cộng đồng gắn với các làng chài, làng nghề,... Xây dựng thủy cung, công viên nước trên biển.

Giai đoạn 2031 - 2050: Tiếp tục khai thác có hiệu quả các sản phẩm du lịch biển, đảo đã được định hướng trong giai đoạn trước. Ưu tiên phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch biển đảo cao cấp, hướng tới các phân khúc thị trường khách có khả năng chi tiêu cao, lưu trú dài ngày. Phát triển sản phẩm du lịch biển - đảo cao cấp.

b. Du lịch văn hóa

Giai đoạn 2025 - 2030:

- Khai thác có hiệu quả sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử, tham quan di tích, tìm hiểu lịch sử cách mạng gắn với các cuộc đấu tranh dựng nước, mở mang bờ cõi và bảo vệ tổ quốc qua các thời kỳ trên mảnh đất Phú Yên. Tập trung khai thác một số di tích tiêu biểu, điển hình, có giá trị văn hóa và mang tính giáo dục cao, còn lưu giữ được các hiện vật cổ, dấu tích xưa, có khả năng thu hút, hấp dẫn khách du lịch. Xây dựng *Tuyến du lịch chuyên đề “Nhớ về*

nguồn cội - Phú Yên” kết nối các điểm di tích lịch sử cách mạng; xây dựng bài thuyết minh hướng dẫn du lịch kể về lịch sử đấu tranh bảo vệ tổ quốc của người dân mảnh đất Phú Yên.

- Phát triển sản phẩm du lịch văn hóa gắn với tín ngưỡng, tôn giáo, hành hương, tham quan các di tích tâm linh chùa, đình, đền, tháp, nhà thờ. Tập trung khai thác một số di tích, công trình tín ngưỡng, tôn giáo tiêu biểu, điển hình, có giá trị tâm linh, tín ngưỡng và sức ảnh hưởng trong đời sống tinh thần của người dân, có kiến trúc nghệ thuật độc đáo, có cảnh quan đẹp.

- Phát triển sản phẩm du lịch văn hóa gắn với các lễ hội truyền thống, tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch. Ưu tiên lựa chọn, khai thác một số lễ hội truyền thống tiêu biểu, điển hình mang bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh Phú Yên. Định hướng tổ chức 02 lễ hội quy mô cấp tỉnh (hàng năm), gồm (1) *Lễ hội cầu ngư (tại các di tích thờ cá Ông ở một số địa phương như thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa)* và (2) *Lễ hội Đám Ô Loan (huyện Tuy An) - di tích thắng cảnh quốc gia*.

- Phát triển sản phẩm du lịch văn hóa gắn với các lễ hội đương đại đặc sắc, có sức hấp dẫn, thu hút những người nổi tiếng để tham dự tạo sức lan tỏa và hiệu ứng quảng bá, thu hút khách du lịch. Định hướng tổ chức 02 lễ hội quy mô cấp vùng và cấp quốc gia: (1) *Lễ hội cá ngư đại dương và ẩm thực biển duyên hải Nam Trung Bộ* và (2) *Festival văn hóa - nghệ thuật đương đại và điện ảnh Phú Yên*.

Giai đoạn 2031 - 2050: Tiếp tục khai thác hiệu quả các sản phẩm đã được định hướng giai đoạn trước; đồng thời, phát triển mới các sản phẩm du lịch văn hóa phù hợp với bối cảnh mới, giai đoạn phát triển mới, xu hướng du lịch mới.

c. Du lịch nông nghiệp - nông thôn

Khai thác tối đa lợi thế về tiềm năng và giá trị tài nguyên du lịch nông nghiệp, nông thôn để phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, tạo hướng đi đột phá cho du lịch tỉnh Phú Yên.

Giai đoạn 2025 - 2030: Phát triển mô hình du lịch tại các trang trại nông nghiệp (farmstay), đặc biệt tại các trang trại hữu cơ (Organic Farm), cho các mục đích tham quan học tập, check-in chụp ảnh, trải nghiệm hoạt động nông nghiệp. Phát triển mô hình “Điểm du lịch nông thôn kiểu mẫu” gắn với các giá trị tài nguyên nông nghiệp - nông thôn đặc sắc, độc đáo, đa dạng, trước mắt tập trung ưu tiên phát triển 2 mô hình: (1) *Thôn Ngọc Lãng (xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa)* và (2) *Thôn Vinh Ba (xã Hòa Đồng, huyện Tây Hòa)*.

Giai đoạn 2031 - 2050: Tiếp tục khai thác có hiệu quả các sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn đã được định hướng trong giai đoạn trước; đồng thời, phát huy lợi thế tài nguyên, đẩy mạnh khai thác các sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn đa dạng tại các địa phương có tiềm năng như Đông Hòa, Tây Hòa, Sông Hinh, Phú Hòa, Đồng Xuân...

d. Du lịch sinh thái

Phú Yên sở hữu các hệ sinh thái khá đa dạng và đầy đủ, bao gồm hệ sinh thái biển, đảo, hệ sinh thái rừng ở các huyện, thị xã phía Đông; hệ sinh thái đồng cỏ, thảo nguyên (cao nguyên Vân Hòa); hệ sinh thái nước ngọt gắn với sông, suối, hồ, đầm, đập phân bố đều khắp tỉnh. Khai thác lợi thế tài nguyên này để phát triển du lịch sinh thái trở thành sản phẩm du lịch chủ đạo của tỉnh trong giai đoạn 2025 - 2030 và các năm tiếp theo.

Giai đoạn 2025 - 2030: Tập trung phát triển sản phẩm “Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Hồ trên núi” tại một số huyện phía Tây như đã được định hướng là sản phẩm đặc thù của tỉnh Phú Yên và vùng Nam Trung Bộ, gắn với bản sắc văn hóa cộng đồng địa phương. Phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái các khu vực được quy hoạch như: Thác J'rai Tang, thác H'Ly; thác Vực Hòm; thác Vực Phun; suối Đập Hàn.

Giai đoạn 2031 - 2050: Tiếp tục khai thác mở rộng, phát triển du lịch sinh thái tại các địa phương khác có tiềm năng, sở hữu tài nguyên tự nhiên gắn với rừng, núi, thác, hồ, sông, suối, khu bảo tồn thiên nhiên, hình thành chuỗi du lịch sinh thái của tỉnh Phú Yên.

1.3. Nhóm sản phẩm du lịch bổ trợ

a. Du lịch cộng đồng

Phú Yên sở hữu tài nguyên du lịch cộng đồng khá đa dạng và độc đáo, có thể khai thác, phát triển loại hình du lịch này ở hầu hết các địa phương trong tỉnh với những đặc trưng và sắc thái khác biệt như: *Du lịch cộng đồng miền biển* gắn với các làng chài và giá trị tài nguyên biển đảo (Đông Hòa, Tuy Hòa, Tuy An, Sông Cầu); *Du lịch cộng đồng miền nông thôn* gắn với các giá trị tài nguyên nông nghiệp - nông thôn, các vụ lúa, vụ rau, đồng hoa, vườn cây ăn trái (Tây Hòa, Phú Hòa, Sơn Hòa); *Du lịch cộng đồng miền núi* gắn với bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc ít người vùng cao và giá trị tài nguyên núi, rừng, thác nước, sông, suối, hồ (Sông Hinh, Đồng Xuân, Sơn Hòa, Tây Hòa).

b. Du lịch đường sông

Phú Yên là địa phương có hệ thống đường sông khá đa dạng, với 3 hệ thống sông chính là sông Ba, sông Kỳ Lộ, sông Bàn Thạch. Trước mắt, giai đoạn 2025 - 2030, tập trung khai thác thí điểm sản phẩm du lịch đường sông “Tháp Nhạn - Sông Đà”, đoạn hạ lưu sông Ba (sông Đà Rằng), từ Khu di tích Tháp Nhạn hướng đến cầu Hùng Vương, vòng qua bán đảo Ngọc Lãng ngược lên cầu đường sắt Đà Rằng, tổng chiều dài tuyến khoảng 3,5km, với các dịch vụ du lịch có thể khai thác, phát triển: boi thuyền thúng, đi thuyền, văn cảnh sông Đà Rằng, nghe nghệ sĩ, nghệ nhân biểu diễn nghệ thuật truyền thống, thưởng thức ẩm thực ven sông.

c. Du lịch đô thị gắn với loại hình MICE và du lịch về đêm

Phát triển đa dạng các dịch vụ vui chơi, giải trí tại thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa và một số trung tâm huyện lỵ của các huyện có du lịch phát triển, đáp ứng nhu cầu khách du lịch, tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của khách du lịch. Một số dịch vụ vui chơi giải trí có thể khai thác, phát triển tại các đô thị phục vụ khách du lịch như: Công viên giải trí, tổ hợp trung tâm thương mại - giải trí, rạp chiếu phim, vũ trường, karaoke, trò chơi giải trí công nghệ, văn nghệ quần chúng, văn nghệ đường phố, kết hợp phố đi bộ, chợ đêm và các khu vực vui chơi giải trí về đêm... Phát triển dịch vụ tổ chức sự kiện, cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, phát triển loại hình du lịch MICE.

d. Du lịch thể thao và thể thao mạo hiểm

Tổ chức một số giải thi đấu thể thao quần chúng: đua thuyền hồ sông Hinh, đầm Ô Loan; đua xe đạp cung đường ven biển; chạy việt dã; chinh phục núi Đá Bia, các vách núi ven biển,... Nghiên cứu phát triển một số loại hình thể thao mạo hiểm: dù lượn, đua xe địa hình ở một số địa phương miền núi phía Tây (Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân),...

đ. Du lịch gắn với giáo dục

- Tổ chức các chương trình giáo dục thực tế về bảo vệ môi trường, thiên nhiên tại khu bảo tồn thiên nhiên, vùng Công viên địa chất. Tổ chức các chương trình du lịch chuyên đề, du lịch học đường đến các khu di tích lịch sử cách mạng, giáo dục cho học sinh truyền thống yêu nước, bảo vệ tổ quốc.

- Giáo dục nông nghiệp - nông thôn (cho đối tượng học sinh - sinh viên thành phố), trải nghiệm cuộc sống của người dân nông thôn, ở tại homestay; trải nghiệm sản xuất nông nghiệp, chăm sóc cây trồng, thu hoạch mùa vụ; thăm các nông trại, trang trại, các vườn cây trái, trải nghiệm thu hoạch cây trái.

e. Du lịch ẩm thực và chăm sóc sức khỏe

- Nghiên cứu khai thác một số ẩm thực đặc trưng của Phú Yên (sò huyết, cua huỳnh đế, hàu, ốc nhảy, ghẹ, tôm hùm,...) để phục vụ khách du lịch thưởng thức, trải nghiệm.

- Khai thác các nguồn khoáng nóng tự nhiên ở các huyện miền núi phía Tây như suối Lạc Sanh, Triêm Đức, Phú Sen để phát triển các sản phẩm du lịch chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh, phục hồi sức khỏe và làm đẹp. Phát triển sản phẩm du lịch chữa lành (Wellness tourism), du lịch thiền... gắn với các giá trị tâm linh ở Thiền viện Trúc Lâm Phú Yên, chùa Từ Quang, nhà thờ Măng Lăng...; du lịch chăm sóc sức khỏe kết hợp nghỉ dưỡng cao cấp tại Cao nguyên Vân Hoà cho hành trình “biển rừng hòa một” của du khách.

2. Định hướng phát triển thị trường du lịch**2.1. Định hướng phát triển thị trường theo đặc điểm du khách**

- Đối với thị trường phân theo lứa tuổi:

+ Khai thác tốt thị trường khách giới trẻ, phù hợp với các loại hình du lịch thể mạnh của Phú Yên; tập trung khai thác phân khúc thị trường khách trung niên có thu nhập cao, có điều kiện kinh tế, đi du lịch Phú Yên với mục đích nghỉ dưỡng, du lịch MICE, du lịch kết hợp công vụ - thương mại.

+ Khai thác phân khúc thị trường khách người cao tuổi có thu nhập cao, có điều kiện kinh tế, du lịch Phú Yên với mục đích nghỉ dưỡng, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; du lịch thăm lại chiến trường xưa, thăm các di tích lịch sử - cách mạng, du lịch tâm linh.

- Đối với thị trường phân theo nghề nghiệp: Ưu tiên khai thác phân khúc thị trường khách thương nhân, doanh nhân có điều kiện tài chính, thu nhập cao, sẵn sàng chi tiêu cho du lịch nghỉ dưỡng biển, nghỉ dưỡng núi, hồ, du lịch kết hợp công vụ - thương mại, MICE; khai thác phân khúc thị trường khách là cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan nhà nước; người lao động làm việc trong các công ty, tập đoàn lớn, doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập ổn định, sẵn sàng chi tiêu cho du lịch của bản thân, gia đình; khai thác phân khúc thị trường khách học sinh, sinh viên gắn với các loại hình du lịch trải nghiệm thực tế, nghiên cứu học tập, giáo dục môi trường, tìm hiểu các giá trị văn hóa - lịch sử, du lịch nông nghiệp - nông thôn, du lịch địa chất.

- Đối với thị trường phân theo mục đích chuyến đi, độ dài chuyến đi: Khai thác tốt thị trường khách gia đình, khách đi theo nhóm bạn, đi du lịch với mục đích nghỉ ngơi, giải trí cuối tuần; khai thác các phân khúc thị trường khách công sở, đi du lịch theo chế độ phúc lợi vào ngày các lễ tết lớn trong năm du lịch với

mục đích nghỉ mát, tắm biển, trải nghiệm thiên nhiên, văn hóa, chụp ảnh; khai thác các thị trường khách theo mục đích cưới hỏi, trăng mật, tìm hiểu phim trường điện ảnh, tham dự lễ hội, lễ chùa... thời gian chuyên đi thường theo thời gian sự kiện được tổ chức.

2.2. Định hướng phát triển thị trường theo xuất xứ du khách

2.2.1. Thị trường nội địa: Thị trường khách nội địa được định hướng là thị trường trọng điểm của du lịch Phú Yên. Ngoài thị trường truyền thống từ Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Nguyên, tập trung khai thác thị trường khách nội địa di chuyển bằng đường cao tốc từ các tỉnh Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ.

2.2.2. Thị trường quốc tế: Chú trọng khai thác thị trường khách quốc tế đến Việt Nam chiếm số lượng lớn như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga (đang khôi phục). Sau khi cảng hàng không Tuy Hòa nâng cấp các hạng mục để khai thác đường bay quốc tế, xuất xứ du khách quốc tế sẽ đa dạng hóa hơn, tập trung thị trường Đông Bắc Á (chủ yếu Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), Nam Á (Ấn Độ), Tây Âu (chủ yếu từ Anh, Đức, Pháp, Tây Ban Nha) và Bắc Mỹ (chủ yếu từ Mỹ và Canada), châu Đại Dương (Úc, New Zealand), các nước Trung Đông (Ả Rập Xê Út, UAE, Iran, Qatar, Israel), thu hút nguồn khách quốc tế từ Đông Bắc Thái Lan dọc theo hành lang Đông – Tây, đến Phú Yên bằng đường bộ qua các cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (Gia Lai) và Bờ Y (Kon Tum).

3. Tổ chức không gian du lịch

Nằm ở trung tâm vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, là một trong những cửa ngõ lên Tây Nguyên, trên cơ sở vành đai phát triển kinh tế và sự phân bố hệ thống tài nguyên du lịch có thể định hướng phát triển không gian du lịch tỉnh Phú Yên như sau:

3.1. Các trục không gian phát triển du lịch

- Trục Bắc – Nam

+ Theo hướng trục không gian này gắn liền với tuyến đường sắt Bắc - Nam (tương lai gần là đường sắt cao tốc), Quốc lộ 1A, cao tốc Bắc – Nam, tuyến đường ven biển, kết nối Phú Yên với các tỉnh duyên hải Miền Trung và cả nước, kết nối vùng ven biển.

+ Trục không gian này là hướng chính khai thác các cảnh quan tự nhiên, các khu nghỉ dưỡng, tắm biển, vui chơi giải trí, thưởng thức phong cảnh đẹp của biển..., tham quan các di tích văn hóa lịch sử và danh thắng nổi tiếng như: đầm Cù Mông, vịnh Xuân Đài, đầm Ô Loan, vịnh Vũng Rô; các bãi biển: bãi Bàng, bãi Bàu, bãi Rạng, bãi Nôm, bãi Tràm, bãi Từ Nham, bãi Long Thủy, bãi Tiên, bãi Môn, bãi Xếp... Các gành đá: Gành Đá Đĩa, gành Đỏ, gành Dưa...; các đảo nhỏ ven bờ: Nhất Tự Sơn, cù lao Mái Nhà, hòn Chùa, hòn Yến, hòn Dứa... Các công trình kiến trúc tôn giáo như: Tháp Nhạn, chùa Bảo Tịnh, chùa Bảo Lâm (Tuy Hòa); Sắc tứ Long Sơn Bát Nhã; Sắc tứ Từ Quang (Tuy An); nhà thờ Mằng Lãng, nhà thờ Đông Mỹ... đặc biệt là các danh lam thắng cảnh mang nét độc đáo riêng của Phú Yên như: Hải đăng Mũi Đại Lãnh, Gành Đá Đĩa...

- Trục Đông – Tây

+ Trục không gian này kết nối Phú Yên với các tỉnh Tây Nguyên thông qua trục giao thông như : Quốc lộ 29 (đang đề xuất nâng cấp thành cao tốc), 19,

25, ĐT643, ĐT645...

+ Trục không gian này ưu tiên phát triển du lịch với văn hóa các dân tộc, khai thác các cảnh quan tự nhiên, các tiềm năng du lịch miền núi, du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch cộng đồng... Tập trung khai thác các điểm du lịch: các hồ chứa nước lớn, hệ thống thác, suối, các nguồn nước khoáng nóng và các di tích văn hóa lịch sử có giá trị trong khu vực; xây dựng cao nguyên Vân Hòa trở thành đô thị du lịch, trung tâm nghỉ dưỡng của Phú Yên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ; xây dựng một số buôn làng văn hóa du lịch của đồng bào các dân tộc để thu hút khách du lịch (Lê Diêm, Xí Thoại...).

+ Tài nguyên du lịch của Phú Yên phân bố tương đối tập trung theo các trục phát triển không gian du lịch đã được xác định, vì vậy khá thuận lợi trong khai thác các sản phẩm du lịch chuyên đề. Bên cạnh đó, khu kinh tế Nam Phú Yên với định hướng thu hút các dự án lớn về công nghiệp, năng lượng đã tạo thuận lợi và giữ vai trò động lực phát triển kinh tế tỉnh Phú Yên trong đó có du lịch. Đồng thời, khi cao tốc nối khu kinh tế Nam Phú Yên với thành phố Buôn Ma Thuột hình thành sẽ mở rộng không gian du lịch kết nối vùng biển Phú Yên với vùng đại ngàn Tây Nguyên.

3.2. Không gian phát triển du lịch

Trên cơ sở các hướng phát triển không gian du lịch, căn cứ vào sự phân bố tài nguyên du lịch, nguồn lực và các điều kiện có liên quan, định hướng phân vùng các không gian du lịch của tỉnh Phú Yên có thể được phân chia thành bốn không gian du lịch có các tính chất phát triển khác nhau như sau:

3.2.1. Không gian du lịch trung tâm: Bao gồm thành phố Tuy Hòa và một số không gian phụ cận thuộc thị xã Đông Hòa, huyện Phú Hòa, huyện Tuy An.

a. Trung tâm du lịch: Trung tâm du lịch là thành phố Tuy Hòa đóng vai trò là trung tâm của không gian du lịch này đồng thời là trung tâm du lịch của tỉnh Phú Yên. Trung tâm thương mại dịch vụ Vũng Rô là trung tâm du lịch bổ trợ gắn với Khu kinh tế Nam Phú Yên.

b. Các hướng khai thác và sản phẩm du lịch chủ yếu

- Sản phẩm du lịch gắn với các tài nguyên du lịch tự nhiên: Tham quan thắng cảnh, nghỉ dưỡng biển: các bãi biển Tuy Hòa và Long Thủy, các bãi tắm nhỏ trong vịnh Vũng Rô...

- Du lịch sinh thái gắn với thể thao biển, leo núi tại khu sinh thái Đèo Cả - Vũng Rô - Núi Đá Bia - Đập Hàn

- Sản phẩm du lịch gắn với các tài nguyên du lịch văn hóa: Tham quan các danh thắng: Tháp Nhạn, Núi Đá Bia, Núi Chóp Chài, Mũi Đại Lãnh... Tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa: mộ và đền thờ Lương Văn Chánh, Bảo tàng Phú Yên... Tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm các làng nghề truyền thống và các sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

- Sản phẩm du lịch gắn với đô thị: Tham quan, mua sắm; du lịch công vụ; du lịch MICE; du lịch quá cảnh. Du lịch vui chơi giải trí cuối tuần cho khách trong tỉnh Phú Yên, Bình Định, Gia Lai, đặc biệt là người dân Tuy Hòa và người lao động ở khu vực Kinh tế Nam Phú Yên trong tương lai.

3.2.2. Không gian du lịch nghỉ dưỡng biển đảo: Bao gồm thị xã Sông Cầu và một phần không gian của huyện Tuy An.

a. Trung tâm du lịch: Trung tâm chính là thị xã Sông Cầu với các địa

danh Vịnh Xuân Đài – Bãi biển Từ Nham – Gành Đá Đĩa. Trong đó Vịnh Xuân Đài là một trong những vịnh đẹp nổi tiếng ở khu vực miền Trung có những điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển thành khu nghỉ dưỡng biển có giá trị và hấp dẫn. Trung tâm du lịch hỗ trợ là khu vực Đầm Cù Mông gắn với bãi biển Thôn 2 và 4 (xã Xuân Hải) và khu dịch vụ ẩm thực du lịch Đầm Ô Loan gắn liền với cù lao Mái Nhà, bãi biển Phú Thường, hòn Yến.

b. Các hướng khai thác và sản phẩm du lịch chủ yếu

- Sản phẩm du lịch gắn với tài nguyên du lịch văn hóa: Du lịch tham quan tìm hiểu di tích khảo cổ Thành An Thổ nơi sinh đồng chí Trần Phú, địa đạo Gò Thì Thùng, mộ và đền thờ Lê Thành Phương, Nơi xảy ra vụ thảm sát Ngân Sơn - Chí Thạnh, Miếu Công Thần, Hành Cung Long Bình...

- Sản phẩm du lịch gắn với tài nguyên du lịch tự nhiên: Du lịch tham quan danh thắng Gành Đá Đĩa, kết hợp với cảnh quan đẹp của gành Đèn, các đảo gần trong Vịnh Xuân Đài, cù Lao mái Nhà, Hòn Yến. Du lịch nghỉ dưỡng biển với nhiều bãi biển đẹp với các quy mô khác nhau, không gian này có thể đón tiếp các đối tượng khách đa dạng mà không chịu tác động từ xung đột giữa các thị trường khách khác biệt (bãi Bàng, bãi Nôm, bãi Tràm, bãi Phú Thường, bãi Từ Nham...). Đặc biệt khu vực này có nhiều bãi biển quy mô nhỏ nhưng rất đẹp, biệt lập có thể phát triển các khu resort đặc biệt cao cấp cho nhóm thị trường du lịch cao cấp nhất. Ưu tiên phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp tại các bãi biển khép kín, ít có dân cư tiếp cận như bãi Tràm, bãi Từ Nham, vũng Lắm, Bãi Nôm, Bãi Ôm... Du lịch thể thao mạo hiểm như lặn biển, leo núi có thể được phát triển tại các dải núi sát biển và các cù lao, đảo ven bờ trong vịnh Xuân Đài, cù lao Mái Nhà, hòn Yến. Du lịch gắn với văn hóa ẩm thực: sò huyết, cua huỳnh đế, hàu...(Đầm Ô Loan), ốc nhảy, ghẹ, tôm hùm... (đầm Cù Mông, Vịnh Xuân Đài).

3.2.3. Không gian du lịch miền núi phía Tây Bắc: Bao gồm Cao Nguyên Vân Hòa và không gian phụ cận thuộc các huyện Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tuy An

a. Trung tâm du lịch: Trung tâm du lịch của không gian này là Cao nguyên Vân Hòa, nhờ những lợi thế về điều kiện hạ tầng giao thông nên đây là điểm dừng chân, lưu trú chính, cũng như cung cấp hậu cần du lịch cho cả không gian. Trung tâm du lịch hỗ trợ là thị trấn La Hai.

b. Sản phẩm du lịch chủ yếu

- Sản phẩm du lịch gắn với các tài nguyên du lịch văn hóa: Du lịch cộng đồng gắn với tìm hiểu các giá trị văn hóa dân tộc: tại buôn Xí Thoại và Ha Rai; du lịch nông nghiệp, nông thôn. Du lịch “về nguồn”: tham quan tìm hiểu các di tích lịch sử cách mạng và giáo dục truyền thống: di tích nhà thờ bác Hồ và các di tích gắn với khu căn cứ cách mạng và kháng chiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Sản phẩm du lịch gắn với các tài nguyên du lịch tự nhiên: Du lịch nghỉ dưỡng tại cao nguyên Vân Hòa, đây là một trung tâm du lịch quan trọng của không gian du lịch phía Tây Bắc nhằm tăng cường khả năng kết nối của không gian này với không gian du lịch trung tâm thành phố Tuy Hòa.

3.2.4. Không gian du lịch miền núi phía Tây Nam: Bao gồm huyện Sông Hinh và không gian phụ cận thuộc các huyện Sơn Hòa, Tây Hòa, Phú Hòa.

a. Trung tâm du lịch : Trung tâm du lịch chính là thị trấn Hai Riêng gắn với hồ thủy điện Sông Hinh. Khu vực hỗ trợ trung tâm thị trấn Củng Sơn, hồ Suối

Bùn... gắn với Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai, hồ thủy điện Sông Ba Hạ.

b. Sản phẩm du lịch chủ yếu

Hoạt động du lịch của không gian này có tính chất bổ trợ cho các sản phẩm du lịch thương mại, công vụ và du lịch nghỉ dưỡng biển đảo của tỉnh.

- Du lịch gắn với tài nguyên du lịch văn hóa: Phát triển du lịch gắn liền với văn hóa các dân tộc, hình thành các tuyến nối liền giữa miền biển và các tỉnh Tây Nguyên, phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch làng nghề, du lịch văn hóa cộng đồng... Xây dựng một số buôn làng văn hóa du lịch của đồng bào các dân tộc thu hút khách du lịch (các buôn khu vực huyện Sông Hinh...). Phát triển Lễ hội đập Đồng Cam ở huyện Phú Hòa, tạo động lực thu hút du khách, cung cấp sản phẩm lưu niệm cho khách du lịch.

- Du lịch gắn với tài nguyên du lịch tự nhiên: Du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ là sản phẩm quan trọng của không gian này. Địa bàn tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái là khu vực Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai và 2 hồ thủy điện lớn là Sông Hinh và Sông Ba Hạ. Du lịch tham quan các danh thắng: Các hồ chứa nước lớn như hồ thủy điện Sông Hinh, hồ thủy điện Sông Ba Hạ; các thác suối... Du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh: Các nguồn nước khoáng như Lạc Sanh (huyện Tây Hòa), Phú Sen (huyện Phú Hòa)... Ở đây có thể xây dựng khu nghỉ dưỡng tắm khoáng nóng phục vụ khách du lịch từ các trung tâm ven biển, đồng thời phát triển một khu resort khoáng nóng phục hồi sức khỏe.

4. Định hướng đầu tư phát triển du lịch

4.1. Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư

- Đầu tư phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; hạ tầng số.
- Xây dựng sản phẩm du lịch (sản phẩm đặc thù, sản phẩm chủ đạo và sản phẩm bổ trợ); đầu tư và nâng cấp hệ thống cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch chất lượng cao.

- Đầu tư phát triển các khu vui chơi giải trí, mua sắm, thể thao, các khu chức năng tổng hợp sân golf.

- Tôn tạo các danh thắng, các di tích văn hóa - lịch sử; khôi phục các lễ hội, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ du lịch cho cán bộ và cộng đồng dân cư tham gia hoạt động du lịch.

4.2. Các khu vực ưu tiên đầu tư

- Vùng đồng bằng di sản Tuy Hòa với trọng tâm Trung tâm du lịch thành phố Tuy Hòa và vùng phụ cận.

- Khu vực đầm Cù Mông và vùng ven biển phía Đông

- Khu vực vịnh Xuân Đài - gành đá Đĩa.

- Khu vực đầm Ô Loan và vùng phụ cận

- Khu vực cao nguyên Vân Hòa và vùng phụ cận.

- Khu vực cảnh quan đèo Cả - hòn Nưa.

- Khu vực hồ Sông Hinh, thác Jrai Tang và các giá trị văn hóa cộng đồng dân tộc bản địa.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2025 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Nhiệm vụ trọng tâm

TT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Xây dựng Công viên địa chất Phú Yên hướng tới danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO; nghiên cứu xây dựng hồ sơ để trình UNESCO công nhận Gành Đá Đĩa thành di sản thiên nhiên thế giới	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025 - 2030
2.	Đổi mới mô hình quản trị các khu di tích, danh lam thắng cảnh, các công trình công cộng theo phương thức hợp tác công tư, đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ	UBND các huyện, thị xã, TP	Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
3.	Lập Dự án/Đề án xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu du lịch tỉnh Phú Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025 - 2030
4.	Lập Dự án/ Đề án xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch đặc thù nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh điểm đến du lịch của tỉnh Phú Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025 - 2030
5.	Tổ chức đoàn Famtrip, Presstrip, mời các nhà đầu tư, doanh nghiệp lữ hành, phóng viên, nhà báo đến tham quan, trải nghiệm du lịch, quảng bá xúc tiến và quảng bá du lịch tỉnh Phú Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hiệp hội Du lịch tỉnh, các đơn vị kinh doanh du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh	2025 - 2030
6.	Xây dựng Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, gắn với xây dựng nông thôn mới	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025 - 2030
7.	Đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ du lịch cho cán bộ quản lý và cộng đồng dân cư tham gia hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm
8.	Triển khai chuyển đổi số ngành du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025 - 2030
9.	Phát triển hạ tầng giao thông phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và du lịch; tăng cường công tác quản lý hoạt động vận tải, phương tiện vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ vận tải bảo đảm nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải.	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025 - 2030

10.	Phối hợp với các cơ quan xúc tiến đầu tư của Trung ương, các địa phương trong khu vực, các Sở, ban, ngành và UBND các địa phương trong thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước để đầu tư các dự án du lịch, khu vui chơi, giải trí, mua sắm... tạo động lực lan tỏa trong phát triển du lịch; kịp thời tham mưu UBND tỉnh để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư để các dự án nhất là các dự án du lịch ven biển sớm đi vào hoạt động	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025 - 2030
11.	Nâng cao công tác quản lý liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường phục vụ cho phát triển du lịch; tập huấn, tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm
12.	Triển khai Đề án phát triển các loại hình dịch vụ, sản phẩm y dược cổ truyền phục vụ khách du lịch đến năm 2030	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2025 - 2030

2. Giải pháp phát triển du lịch tỉnh Phú Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2.1. Huy động nguồn lực xã hội, đổi mới mô hình quản trị các di tích, danh thắng, công trình công cộng gắn với phát triển du lịch

Tổ chức đấu thầu, lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư có năng lực để quản lý, đầu tư tôn tạo, khai thác bền vững các di tích, danh thắng, công trình công cộng gắn với hình thành các tuyến/tour du lịch, nhằm phát huy hiệu quả khai thác tiềm năng sẵn có phục vụ phát triển du lịch. Trước mắt, triển khai thực hiện tại di tích quốc gia đặc biệt gành Đá Đĩa, di tích thắng cảnh quốc gia Bãi Môn – Mũi Đại Lãnh và khu vực công viên biển thành phố Tuy Hòa.

2.2. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch

- Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh Phú Yên về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; tạo động lực, sức lan tỏa để thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực khác; góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa, mảnh đất, con người Phú Yên tới đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng, doanh nghiệp về phát triển du lịch tỉnh Phú Yên; tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, định hướng, chính sách về phát triển du lịch cả nước nói chung và tỉnh Phú Yên nói riêng; nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị, lợi ích của phát triển du lịch góp phần tăng thu nhập, tạo việc làm và sinh kế bền vững cho cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch.

2.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức quản lý du lịch

- Rà soát các hoạt động đầu tư, kinh doanh, khai thác phát triển du lịch

trên địa bàn toàn tỉnh, nắm bắt những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc về chính sách, cơ chế, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung. Tập trung vào các nội dung liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp phục vụ khai thác phát triển dịch vụ du lịch như: homestay, farmstay, gardenstay, du lịch canh nông, du lịch sinh thái...

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành chính sách, cơ chế tạo thuận lợi để thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Phú Yên. Đơn giản hóa thủ tục hành chính thông thoáng, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, cộng đồng tham gia đầu tư, kinh doanh, phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Đổi mới mô hình quản trị du lịch trong khu vực công, nhất là trong công tác tổ chức, quảng bá, xúc tiến du lịch.

2.4. Phát triển sản phẩm du lịch

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch cao cấp dựa trên thế mạnh về tiềm năng và tài nguyên du lịch đặc trưng, độc đáo của Tỉnh. Ưu tiên phát triển nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển đảo cao cấp ở các khu nghỉ dưỡng có quy mô lớn, cung cấp các dịch vụ nghỉ dưỡng đẳng cấp, chất lượng, đáp ứng nhu cầu của phân khúc thị trường khách có khả năng chi tiêu cao, lưu trú dài ngày. Phát triển sản phẩm du lịch gắn với hệ sinh thái đá (văn hóa đá) ở khu vực Gành Đá Đĩa, Núi Đá Bia... Nghiên cứu phát triển tổ hợp sản phẩm du lịch cao cấp “*Golf - Nghỉ dưỡng khoáng nóng - Chăm sóc sức khỏe*” ở những khu vực có nguồn nước khoáng như Lạc Sanh, Phú Sen, Trà Ô, Triêm Đức...; đồng thời nghiên cứu phát triển các loại hình dịch vụ, sản phẩm y dược cổ truyền có giá trị kinh tế cao để đáp ứng nhu cầu phân khúc thị trường khách thượng lưu trong nước và quốc tế.

- Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp nông thôn công nghệ cao và du lịch cộng đồng. Xây dựng và khai thác thí điểm một số mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn gắn với trang trại nông nghiệp, nhà vườn và du lịch cộng đồng ở tại nhà dân. Xây dựng chương trình du lịch chuyên đề “*Du lịch nông nghiệp nông thôn tỉnh Phú Yên*”, gắn tham quan trang trại nông nghiệp điển hình với làng nghề truyền thống; trải nghiệm hoạt động nông nghiệp, làm nghề truyền thống; mua sắm các sản phẩm nông nghiệp, đặc sản địa phương.

- Phát triển dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch gắn với phố đi bộ, chợ đêm, trải nghiệm về đêm trên sông Đà Rằng. Từng bước phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch bổ trợ như: du lịch mạo hiểm, du lịch thể thao; du lịch đường sông; du lịch học đường gắn với giáo dục truyền thống yêu nước, văn hóa, môi trường, nông nghiệp nông thôn; du lịch dã ngoại, cắm trại; du lịch ẩm thực, mua sắm...

2.5. Tăng cường mở rộng thị trường, xúc tiến, quảng bá, liên kết phát triển du lịch

- Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường:

+ Tổ chức khảo sát nhu cầu, nghiên cứu xu hướng và dự báo thị trường khách du lịch hàng năm, 05 năm để phục vụ cho công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, mở rộng thị trường và thu hút đầu tư các dự án du lịch.

+ Cơ cấu lại thị trường khách du lịch đến tỉnh Phú Yên, khai thác đa dạng các thị trường khách du lịch trong nước, quốc tế. Trong đó, thị trường khách du lịch nội địa là thị trường chủ đạo của du lịch Phú Yên, tập trung các tỉnh vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ...). Chú trọng đến phân khúc thị trường khách đô thị có

khả năng chi trả và có điều kiện đi du lịch vào những ngày nghỉ, cuối tuần. Từng bước tiếp cận, khai thác các thị trường xa đến từ Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng, từ thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Nam Bộ. Khai thác các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc,... có nhu cầu nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe. Tiếp tục khai thác một số phân khúc thị trường khách Nga có nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng biển đảo; phân khúc thị trường Tây Âu, Bắc Mỹ, châu Đại Dương quan tâm đến loại hình du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch cộng đồng, chăm sóc sức khỏe... Khai thác hiệu quả thị trường khách quốc tế gần đến từ vùng Đông Bắc Thái Lan theo trục ngang Đông - Tây (thông qua vùng Tây Nguyên).

- Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch:

+ Nghiên cứu mời, tạo điều kiện các đoàn làm phim trong nước và quốc tế, các nghệ sĩ đến Phú Yên sản xuất phim, chụp ảnh,... nhằm tăng cường quảng bá tài nguyên du lịch qua hình thức phim, ảnh.

+ Đổi mới phương thức xúc tiến, quảng bá du lịch; áp dụng công nghệ số và các công cụ của cách mạng công nghiệp 4.0 để đột phá về hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch. Thúc đẩy phát triển các hình thức quảng bá du lịch thông qua marketing số, các trang mạng xã hội,... để lan tỏa hình ảnh điểm đến Phú Yên tiếp cận nhanh hơn đến du khách trong nước và quốc tế. Tăng cường xúc tiến ở thị trường nước ngoài.

2.6. Thu hút đầu tư phát triển du lịch

- Thu hút nhà đầu tư lớn, có tiềm lực, đầu tư theo chuỗi từ lưu trú, mua sắm, vui chơi giải trí... vào các dự án trọng điểm du lịch theo quy hoạch được duyệt để tạo cú huých, bước chuyển mình mạnh mẽ cho du lịch Phú Yên. Khuyến khích các chủ đầu tư hợp tác với các Tập đoàn quản lý khách sạn chuyên nghiệp để đưa các thương hiệu du lịch nổi tiếng toàn cầu đến Phú Yên, qua đó thu hút khách quốc tế, lan tỏa hình ảnh và nâng cao chất lượng cho thương hiệu du lịch Phú Yên.

- Phát huy nội lực của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đang hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên mở rộng quy mô, tăng thêm vốn đầu tư phát triển các dịch vụ du lịch. Huy động tối đa nguồn lực vốn trong dân, khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã đầu tư phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch cộng đồng.

- Tập trung nguồn lực kể cả hợp tác công – tư (PPP), ưu tiên đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông, trong đó có hệ thống giao thông kết nối giữa các trục giao thông chính với các khu du lịch, điểm du lịch, điểm tài nguyên. Bố trí kinh phí cho công tác xúc tiến, quảng bá du lịch hàng năm.

2.7. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chuyên môn đối với các cán bộ quản lý nhà nước về du lịch từ cấp huyện đến cấp tỉnh; khuyến khích và hỗ trợ cán bộ nâng cao trình độ đào; thu hút cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cao về văn hóa, du lịch ở nơi khác về Phú Yên làm việc.

- Trọng dụng nguồn lao động có trình độ cao và các nghệ nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa du lịch; khuyến khích và hỗ trợ các nghệ nhân trong công tác truyền nghề, đào tạo bồi dưỡng thế hệ trẻ, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng làm du lịch cho cộng đồng địa phương; tổ chức cho người dân học hỏi kinh nghiệm tại một số địa phương trong nước có đặc điểm tương đồng, có mô hình du lịch cộng đồng và mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn thành công.

- Bồi dưỡng nhân lực du lịch về công nghệ, chuyển đổi số để đáp ứng được yêu cầu cao trong thời gian tới.

2.8. Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số ngành du lịch

- Phát triển hạ tầng số để phát triển du lịch tỉnh: Tập trung mở rộng vùng phủ sóng, chất lượng dịch vụ mạng di động 5G tại các khu vực khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm; khu vực tập trung đông dân cư; các tòa nhà thương mại, khách sạn; các thị trấn và khu vực trọng điểm ở nông thôn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành du lịch và kết nối với hệ thống LGSP tỉnh và kho dữ liệu tỉnh: CSDL về điểm, khu du lịch; CSDL về quy hoạch du lịch; CSDL các khu, điểm dịch vụ mua sắm, vui chơi, giải trí; CSDL các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh; CSDL công ty lữ hành du lịch được cấp phép trên địa bàn tỉnh; CSDL về các dịch vụ ăn uống; CSDL về các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch; CSDL về hướng dẫn viên...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo trong việc hướng dẫn, giới thiệu, xây dựng và hình thành đội ngũ hướng dẫn viên ảo trên các nền tảng số. Xây dựng và triển khai mô hình quản lý điểm đến du lịch thông minh.

- Ứng dụng công nghệ xanh, công nghệ sạch, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, năng lượng tái tạo trong các hoạt động kinh doanh du lịch. Khuyến khích sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường trong xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đảm bảo hạn chế việc thay đổi môi trường cảnh quan trong xây dựng.

2.9. Liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch

- Tăng cường liên kết, hợp tác liên ngành trong tỉnh Phú Yên trong phát triển du lịch. Liên kết, hợp tác cấp tỉnh giữa Phú Yên với một số tỉnh của Thái Lan; các tỉnh Tây Nguyên để khai thác, phát triển du lịch theo hành lang Đông - Tây. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác liên tỉnh giữa Phú Yên với các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ thành một thể thống nhất để phát triển sản phẩm du lịch đặc thù chung, có khả năng cạnh tranh cao với các vùng khác trong cả nước.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh (02 trung tâm du lịch lớn của cả nước) trong công tác xúc tiến, quảng bá (đặc biệt là tại các thị trường ngoài nước) để đưa điểm đến Phú Yên vào hành trình của khách quốc tế khi đến Việt Nam.

- Tổ chức các chương trình khảo sát đánh giá tài nguyên du lịch đặc sắc của mỗi địa phương, trên cơ sở đó xây dựng, hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch mang tính liên kết, tạo sức hấp dẫn và nâng cao khả năng cạnh tranh; tổ chức các hoạt động, các sự kiện xúc tiến, quảng bá du lịch và hình ảnh điểm đến của mỗi địa phương ở trong và ngoài nước, nhằm tạo dựng thương hiệu điểm đến chung để thu hút khách du lịch đến với mỗi địa phương.

2.10. Khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với

biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch

- Khai thác hợp lý, hiệu quả các giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên dựa trên nguyên tắc “Phát triển phải đi đôi với bảo tồn” và “Phát triển du lịch bền vững”.

- Khai thác, phát huy có hiệu quả các giá trị tài nguyên du lịch văn hóa; chú trọng công tác bảo tồn, phục dựng các giá trị văn hóa đã mất hoặc đang có nguy cơ mai một, xuống cấp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức của cộng đồng, doanh nghiệp, khách du lịch đối với công tác bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường trong các hoạt động du lịch.

2.11. Đảm bảo quốc phòng an ninh; trật tự xã hội và an toàn cho khách du lịch

- Lồng ghép giữa phát triển du lịch với nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng an ninh ngay từ trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển du lịch, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho phát triển du lịch, đồng thời đảm bảo các công trình hạ tầng du lịch có thể phát huy hiệu quả trong mọi tình huống.

- Chú trọng đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch cần được; bố trí bộ phận chuyên trách về cứu hộ cứu nạn ở những khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh với một đội ngũ cán bộ nghiệp vụ chuyên nghiệp, phản ứng nhanh trong mọi tình huống, sẵn sàng cứu hộ cứu nạn khi có sự cố xảy ra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Là cơ quan thường trực có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai Đề án của các cơ quan, đơn vị có liên quan và địa phương; tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch cụ thể để triển khai Đề án.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện tốt Đề án đã được phê duyệt.

3. Hiệp hội Du lịch Phú Yên

Phát huy vai trò, tăng cường liên kết, hợp tác, hỗ trợ các hội viên trong hoạt động kinh doanh du lịch; liên kết với Hiệp hội Du lịch của các địa phương để mở rộng, kết nối các tour, tuyến, đưa khách du lịch đến Phú Yên; giữ vai trò cầu nối giữa cộng đồng kinh doanh du lịch với các cơ quan liên quan đẩy mạnh xúc tiến quảng bá, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt kết quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:711/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết
thủ tục hành chính từ Sở Giao thông vận tải thành Sở Xây dựng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-BXD ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 36/TTr-SXD ngày 25 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục các thủ tục hành chính được sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ Sở Giao thông vận tải thành Sở Xây dựng (có phụ lục kèm theo).

Điều 2: Sở Xây dựng có trách nhiệm cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

Phụ lục
DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TỪ SỞ GIAO THÔNG
VẬN TẢI THÀNH SỞ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 711/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Đường bộ		
1	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ
2	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc
3	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
4	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi
5	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
6	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định
7	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải
8	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
9	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
10	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
11	1.000672	Công bố lại bến xe khách

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính
12	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc
13	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
14	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia
15	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
16	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
17	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
18	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
19	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
20	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
21	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
22	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái
23	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo
24	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái
25	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo
26	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)
27	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính
28	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác
29	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác
30	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác
31	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS
32	1.005024	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô
33	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô
II. Lĩnh vực Đường sắt		
1	1.005126	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang
2	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang
3	1.000294	Bãi bỏ đường ngang
III. Lĩnh vực Đăng kiểm		
1	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa
2	1.001284	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa
3	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu
4	1 001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
5	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
6	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính
7	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy
IV. Lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy		
1	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo
2	1.00344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa
3	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn
4	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
5	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
6	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
7	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
8	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
9	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
10	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên ĐTNĐ
11	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên ĐTNĐ
12	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa
13	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới
14	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính
15	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
16	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
17	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
18	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa
19	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu
20	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa
21	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa
22	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa
23	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa
24	1.009448	Thiết lập khu neo đậu
25	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu
26	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu
27	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
28	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương
29	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính
30	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa
31	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa
32	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông
33	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
34	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng
35	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa
36	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa
37	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến ĐTNĐ, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:720/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 01 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đất đai, đo đạc và bản đồ, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y, thủy sản, môi trường, biển và hải đảo, địa chất và khoáng sản, thủy lợi, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục

hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 177/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực đất đai, đo đạc và bản đồ, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y, thủy sản, môi trường, biển và hải đảo, địa chất và khoáng sản, thủy lợi, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

- Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn) theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (*chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính của huyện và Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định:

1. Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã,

2. Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

4. Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thú y, thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa

trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

6. Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

7. Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Yên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

PHỤ LỤC

Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, đo đạc và bản đồ, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y, thủy sản, môi trường, biển và hải đảo, địa chất và khoáng sản, thủy lợi, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 720/QĐ-UBND ngày 01 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (27 TTHC)¹						
1	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

¹ **Quy định chung về thời gian giải quyết TTHC:** Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.
- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.)

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			không quá 03 ngày làm việc).	chính công ích.		
2	1.012754	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
3	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Không quá 20 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần		- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Hung Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
4	1.012765	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 10 ngày làm việc.	- Thời gian thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 10 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	- Thời gian thực hiện thủ tục cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng là không quá 05 ngày làm việc	nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
5	1.012820	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Không quá 10 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
6	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Không quá 03 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
7	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	- Thời gian thực hiện thủ tục đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 05 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện thủ tục thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề là không quá 07 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện thủ tục giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên là không quá 10 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chính công ích.		
8	1.012769	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	Không quá 10 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận; không quá 07 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
9	1.012770	Đăng ký biến động thay	Không quá 08 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ	Theo quy định của Luật phí và lệ phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức		hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
10	1.012772	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất	- Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng là không quá 08 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý	biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai là không quá 08 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là không quá 08 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền	nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	sở hữu công trình ngầm là không quá 15 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là không quá 10 ngày làm việc.			
11	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Không quá 10 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chính công ích.		
12	1.012794	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Không quá 05 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
13	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	Thực hiện trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ; nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể giải quyết việc xóa nợ trong ngày làm việc tiếp theo	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
14	1.012815	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Không quá 10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	1.012813	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Không quy định	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
16	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Không quá 10 ngày làm việc đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công		- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				ích.		
17	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Không quá 20 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
18	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	- Trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 là không quá 05 ngày làm việc; - Trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 là không quá 10 ngày làm việc; - Trường hợp	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Yên (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo đạc lập bản đồ địa chính thì thời gian thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
19	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Không quá 15 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Yên (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
20	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Không quá 10 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Yên (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí do đặc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
21	1.012788	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	Không quá 10 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
22	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Không quá 10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4,	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Yên (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	thực hiện theo quy định.	101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
23	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận	- Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hýng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Yên (đối với tổ	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sau khi thu hồi	thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc). Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.	chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
24	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Không quá 10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Yên (đối với tổ chức); - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với hộ gia đình, cá nhân); - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
25	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,	Không quá 10 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản		Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;
26	1.004269	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	- Đối với thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì cung cấp ngay trong ngày làm việc. Trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp vào ngày làm việc tiếp theo; - Đối với thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hợp lệ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai phải thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi thông báo về việc gia hạn thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai. Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, tổng hợp, phân tích hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc; - Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai và tổ chức, cá nhân có thỏa thuận riêng về việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai thì thời gian cung cấp thông tin,	cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận.			
27	1.012808	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất.	Không quá 07 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

B. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ (02 TTHC)

1	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	- Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II Thời hạn trả kết quả: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II Thời hạn trả	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Chưa quy định	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP của Chính phủ.
---	----------	---	---	---	---------------	--

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			kết quả: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
2	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ

C. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (23 TTHC)

1	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Trong thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ ngày, gồm: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai
---	----------	--	--	---	----------------	---

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ</i>: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</i> không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.	- Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		thác tài nguyên nước.
2	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ ngày làm việc, gồm: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép.	http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
3	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ ngày	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
4	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất về phương án bổ sung	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhân tạo nước dưới đất		Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
5	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối	Trong thời hạn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm:	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền.	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - <i>Thời hạn thẩm định:</i> Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.	Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ Error! Hyperlink reference not valid.. gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		Chính phủ.
7	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định đề án:</i> Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hýng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công	Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	ích.		
8	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Trong thời hạn 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.			
9	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
10	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới	Trong thời hạn 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm:	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú	Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định báo cáo:</i> Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	Chính phủ.
11	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ	Nghị quyết 66/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ</i>: Trong thời hạn không quá 21 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế</i> không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 14 ngày.	thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
12	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông	Nghị quyết 66/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ</i>: Trong thời hạn không quá 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho tổ chức, cá nhân. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế</i>: không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc.	tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
13	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ</i>: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp lại giấy phép.	tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
14	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	Trong thời hạn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - <i>Thời hạn thẩm định</i>: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			chức thẩm định hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện: không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày.			
15	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành.	- Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước); - Trong thời hạn 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước).	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
16	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
17	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển.	Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (<i>Trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thì thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày</i>)	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
18	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước	Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính	Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	hồ sơ, gồm: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
19	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Trong thời hạn 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ	Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định đề án:</i> Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án:</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
20	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Trong thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn;	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. <i>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án:</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.	- - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
21	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy khai thác tài nguyên nước	Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, gồm <i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. <i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí thẩm định theo Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 01 tháng 10 năm 2020 của hội đồng nhân dân tỉnh phú yên	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
22	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc	Trong thời hạn 49 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện.	hồ sơ, gồm - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị theo quy định; nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa (thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện phương án không tính vào thời gian thẩm định).	công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
23	1.001740	Lấy ý kiến	Trong thời hạn	- Nộp trực	Tổ chức, cá	- Luật Tài nguyên nước

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	56 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	nhân đầu tư dự án chi trả kinh phí tổ chức lấy ý kiến.	năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

D. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (08 TTHC)

1	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ
---	----------	--	---	--

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
2	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	- Luật Chăn nuôi; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ;;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			việc. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.		của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi).	
3	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.vn .	Thẩm định cấp lại: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi; Nghị định số 13/2020/NĐ; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
4	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần (Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi).	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			sơ đầy đủ.			
5	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Trong thời hạn không quá 15 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ
6	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư tới tổ chức, cá nhân: 15 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
7	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân: 32 ngày, tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ
8	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				- Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
E. LĨNH VỰC THỦ Y (11 TTHC)						
1	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y). - Chi phí xét	- Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.		nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 14/11/2016.	
2	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000 đ/lần	- Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.; - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.
3	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật,	- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính	- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ	- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn	công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y - Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch			
4	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	(i) Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: * Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. * Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông ty số 25/2016/TT-BNNPTNT BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ	- Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.; - Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			BNNPTNT): Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch. <i>(ii) Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh</i> <i>* Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.</i> <i>* Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban</i>		Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<i>hành kèm theo Thông ty số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</i>			
5	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.		- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	
6	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	900.000 đồng/giấy	- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
7	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	50.000 đồng/CCHN	- Luật số 79/2015/QH13; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Thông tư số	- Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).	
9	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật 79/2015/QH13; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.
10	1.011479	Cấp lại Giấy chứng	05 ngày làm việc kể từ khi	- Nộp trực tiếp tại trung	Phí thẩm định đối với vùng	- Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư 24/2022/TT-

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	nhận đủ hồ sơ	tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).	BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
11	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; - 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa	50.000 đồng/CCHN	- Luật số 79/2015/QH13; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
G. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (02 TTHC)						
1	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tiếp nhận văn bản, phiếu yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu. Trường hợp văn bản, phiếu yêu cầu chứa đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, phiếu yêu cầu. b) Thời hạn giải quyết và trả kết quả: - Đối với dữ liệu có thể cung cấp ngay: tổ chức, cá nhân được trực	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	- Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc được cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu; - Đối với dữ liệu đơn giản: trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; - Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; - Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: trong thời hạn chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; - Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính: việc cung cấp dữ			

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			liệu được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.			
2	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xem xét yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân. - Trường hợp thông tin yêu cầu chưa đầy đủ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm gửi thông tin phản hồi đến tổ chức, cá nhân hướng dẫn bổ sung thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin yêu cầu; - Trường hợp thông tin dữ liệu yêu cầu không có trong cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hoặc thuộc danh mục bí mật	- Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu gửi yêu cầu bằng cách nhập các thông tin vào biểu mẫu trên giao diện của mạng điện tử của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu.	- Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			không được cung cấp, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thông báo bằng văn bản từ chối cung cấp dữ liệu trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định; - Trường hợp thông tin dữ liệu yêu cầu thuộc danh mục bí mật mà tổ chức, cá nhân yêu cầu là cơ quan, tổ chức và người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước được đề nghị cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thông báo tổ chức, cá nhân đến làm việc trực tiếp. b) Thời hạn giải quyết và trả kết quả: - Đối với dữ liệu đơn giản:			

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; - Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; - Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: trong thời hạn chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; - Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính: việc cung cấp dữ liệu được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.			

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.
2	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cấp phép của UBND tỉnh		thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
3	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.
4	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa,	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh.		tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
5	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.
6	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.		địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.
7	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.
8	1.003893	Cấp lại giấy	03 ngày làm	- Nộp trực	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.
9	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ;	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
10	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nỗ mẫn vớ các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.
11	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
12	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đo khảo sát đa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ
13	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	theo quy định	công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ
14	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017 - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chính công ích.		
15	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ
16	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
17	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ
18	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
19	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Không quy định	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (03 TTHC)						
1	2.001827	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường	Lệ phí cấp Giấy Chứng nhận xuất xứ: 40.000 đồng/lần cấp	Thông ty số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thẻ hai mảnh vỏ		4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
2	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thẻ hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Lệ phí cấp Giấy Chứng nhận xuất xứ: 40.000 đồng/lần cấp	- Thông ty số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8 thnág 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
3	2.001838	Cấp Giấy chứng nhận	15 ngày làm việc kể từ	- Nộp trực tiếp tại trung	700.000 đồng/cơ sở	Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
K LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (06 TTHC)						
1	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
2	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không	
3	1.003695	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ;	Không	
4	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ;	Không	- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ. - Thông tư

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		số39/2018/TT- NNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
5	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Đối với phương thức kiểm tra chặt: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ;	Không	Nghị định số15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số39/2018/TT- NNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
6	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thời hạn giải quyết 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thời hạn giải quyết 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
L. LĨNH VỰC THỦY SẢN (22 TTHC)						
1	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
2	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng	- 13 ngày làm việc đối với	- Hệ thống thông tin giải	Không	- Luật Thủy sản năm 2017

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	cấp mới, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - 03 ngày làm việc đối với cấp lại, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ https://dichvu.cong.phuyen.gov.vn . - Qua dịch vụ bưu chính công ích		- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024
3	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- 13 ngày làm việc đối với cấp mới, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - 03 ngày làm việc đối với cấp lại, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ;	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2021
4	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	- 45 ngày đối với cấp mới kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - 15 ngày đối với cấp lại/gia hạn kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	1.004913	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024
6	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019
7	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã	- 03 ngày làm việc (đối với xác nhận nguồn gốc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - 07 ngày làm việc (đối với xác nhận mẫu vật), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên		Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
8	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024
9	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	- Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành.	- Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024
10	1.004923	Công nhận và giao quyền quản	- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;		Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên)	- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.			26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019
11	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.		Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019
12	1.003666	Cấp, cấp lại	02 ngày làm	- Nộp trực	Không	- Luật Thủy sản năm

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	việc. kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;		2017 - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
13	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc. kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	- Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 - Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2024
14	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc. kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;		Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
15	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc. kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
16	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	- 06 ngày đổi với cấp mới, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - 03 ngày đổi với cấp lại, kể	Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông	- Cấp mới: 40.000 đồng/lần - Cấp lại: 20.000 đồng/lần	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			từ ngày nhận đủ hồ sơ	tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ		37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021
17	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024
18	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc. kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024
19	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 - Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014
20	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu	02 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	- Nộp 700.000 đồng/lần Nộp 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018
21	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).	- Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ	5% giá thiết kế	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021
22	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra.		Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021

M. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (06 TTHC)

1	1.010727	Cấp Giấy phép môi trường	- Tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải - Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại. Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn (khi	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
---	----------	--------------------------	---	---	---	---

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	<i>có yêu cầu của chủ dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải)</i>		
2	1.010728	Cấp đổi Giấy phép môi trường	- Tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ;	Không quy định	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3	1.010729	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	Tối đa là 25 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép	Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ;	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	- Tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp việc tiếp nhận và trả kết quả cấp lại giấy phép môi trường được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của cơ quan cấp phép (đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư). - Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường. Thời gian phân tích mẫu chất thải của cơ quan cấp phép	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc qua dịch vụ bưu chính Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; (đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải)	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			và thời gian hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở không tính vào thời hạn cấp lại giấy phép môi trường			
5	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Tối đa là 50 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ trong đó: + Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường) + Thời gian phê duyệt báo	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn.	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<i>cáo ĐTM</i> : 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.			
6	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	- Tối đa là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong đó: + Thời hạn thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (PHMT): 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Thời gian phê duyệt phương án cải tạo, PHMT: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hýng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn .	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
N. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (23 TTHC)						
1	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm	Trong thời gian không	- Nộp trực tiếp tại trung	Không	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	quá 45 ngày làm việc.	tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích		tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn .	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích	100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	
3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đồng/01 giấy phép.	
4	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	- Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 87 ngày làm việc. - Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc. - Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 57 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích	- Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không thu phí, lệ phí.	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính;
5	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ.	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực	Không	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Luật Đấu giá tài sản; - Luật số 37/2024/QH15; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;
6	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ.	đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực	Không	- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt		tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá).		22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính
7	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Trong thời gian không quá 184 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích	Nộp phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; cụ thể căn cứ theo Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế: - Đến 01 tỷ đồng: phí 10 triệu đồng; - Trên 01 đến 10 tỷ đồng: phí 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) - Trên 10 đến 20 tỷ đồng: phí 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) - Trên 20 tỷ	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đồng: phí 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)	
8	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Trong thời gian không quá 78 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
9	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ	Mức thu lệ phí gia hạn giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: lệ phí	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	tính bằng 50% mức lệ phí tương ứng với các mức thu Đối với cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.	Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
10	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Trong thời gian không quá 33 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Mức thu lệ phí chuyển nhượng giấy phép hoạt động khoáng	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: lệ phí tính bằng 50% mức lệ phí tương ứng với các mức thu Đối với cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.	29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
12	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Trong thời gian không quá 18 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01giấy phép.	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
13	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Trong thời gian không quá 21 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
14	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.	Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ	Không	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		Tài nguyên và Môi trường.
15	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đổ) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Trong thời gian không quá 57 ngày	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
16	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát	Trong thời gian không quá 10 ngày	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ	Không	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	làm việc	hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
17	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Không quá 87 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ;	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản,	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng 01 giấy phép.	trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 53/2013/TTBTNMT ngày ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.
18	1.013321	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với đối tượng thuộc khoản 1 Điều 72 của Luật - Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với đối tượng thuộc khoản 2 Điều 72 của Luật	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				dịch vụ bưu chính công ích.		ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
19	1.013322	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với đối tượng thuộc khoản 1 Điều 72 của Luật - Không quá 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với đối tượng thuộc khoản 2 Điều 72 của Luật	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
20	1.013323	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Không quá 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với đối	- Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tượng thuộc khoản 1 Điều 72 của Luật - Không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với đối tượng thuộc khoản 2 Điều 72 của Luật	địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		của Chính phủ; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
21	1.013324	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
22	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Không quá 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
23	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Không quá 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (05 TTHC)²						
1	1.012814	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 03 ngày làm việc).	- Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp xã hoặc cấp huyện. - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phu-yen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.
2	1.012817	Xác định lại diện tích đất	Không quá 20 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại bộ	Theo quy định của Luật phí và	

² **Quy định chung về thời gian giải quyết TTHC:** Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.)

		ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004		phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp xã hoặc cấp huyện. - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	
3	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Không quá 10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp xã hoặc cấp huyện. - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.
4	1.012791	Thu hồi Giấy	- Thời gian thu	- Nộp trực	Theo quy định	- Luật Đất đai số

		chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: - Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận là không quá 03 ngày làm việc).	tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp xã hoặc cấp huyện. - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.
5	1.012816	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	Không quá 10 ngày làm việc	- Nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Phí đo đạc thực hiện theo quy định.	- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định

						về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.
B LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (02 TTHC)						
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
2	1.001645	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Trong thời hạn 42 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện và Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.
C. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)						
1	1.012836	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	- Nộp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo cho cơ quan chuyên môn cấp huyện: 03 tháng/lần. - Tổ chức thẩm định hồ sơ và nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo: trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính của UBND cấp huyện. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại https://dichvucong.phuyen.gov.vn. - Nộp qua	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ

				dịch vụ bưu chính công ích.		
2	1.012837	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Thực hiện hỗ trợ kinh phí: trong thời hạn 40 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính của UBND cấp huyện. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại https://dichvucong.phuyen.gov.vn. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ

D. LĨNH VỰC THỦY LỢI (05 TTHC)

1	2.001627	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichv	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Thông tư số 05/2018/TT BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
---	----------	---	--	---	-------	--

				ucong.phu yen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
2	1.003471	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND Cấp huyện	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phu-yen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ
3	1.003459	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phu-yen.gov.vn ;	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ

				- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
4	1.003456	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ
5	1.003347	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ

				công ích.		
E. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (01 TTHC)						
1	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thời hạn giải quyết 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.	- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
G. LĨNH VỰC THỦY SẢN (03 TTHC)						
1	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Công khai phương án: 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không.	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019
2	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin	Không.	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019

			đồng: trong thời hạn 07 ngày làm việc; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: + Công khai phương án 3 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu có), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày	giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		
3	1.004478	Công bố mở cảng cá loại 3	Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024

				bưu chính công ích.			
H. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (04 TTHC)							
1	1.010723	Cấp phép trường	Giấy môi	- Tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải - Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp còn lại. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	- Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình của cơ quan cấp phép (khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải) - Nộp trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Nộp qua bưu chính công ích.	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP gày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2	1.010724	Cấp đổi phép trường	Giấy môi	- Tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Thông qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến toàn trình của Cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện.	Không quy định	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP gày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ

						Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3	1.010725	Cấp chỉnh phép môi trường	Điều chỉnh Giấy phép môi trường	- Tối đa là 25 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép	Thông qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến toàn trình của Cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính hoặc cơ quan được ủy quyền cấp giấy phép môi trường cấp huyện Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4	1.010726	Cấp lại Giấy phép môi trường	Giấy phép môi trường	- Tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong trường hợp việc tiếp nhận và trả kết quả cấp lại giấy phép môi trường được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu điện chính đến UBND cấp huyện. - Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

		trực tuyến toàn trình của cơ quan cấp phép <i>(đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư)</i>. - Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, đầy đủ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	mức độ toàn trình đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
--	--	--	--	---

PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC THỦ LỢI (03 TTHC)						
1	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã. - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ
2	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ
3	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiến, tiết kiệm nước (Đối với	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa của UBND cấp xã.	Không	Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ

		nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)				
B. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)						
1	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	- Tối đa là 15 (<i>mười lăm</i>) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ dự án đầu tư. Trường hợp không có văn bản trả lời trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không quy định	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP gày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:728/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 44/TTr-STP ngày 29 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính liên quan và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính tại Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH PHÚ YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 728/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
01	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Hoặc trường hợp nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	80.000 đồng	- Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; - Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

		điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.			thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.	
02	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đăng ký đổi với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Hoặc trường hợp nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	60.000 đồng	- Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; - Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

		nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.			28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc trung ương.	
03	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Hoặc trường hợp nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	20.000 đồng	- Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; - Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

		quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.			ký biện pháp bảo đảm. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.	
04	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Hoặc trường hợp nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	70.000 đồng	- Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; - Nghị định	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

		sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.			số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.	
05	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Hoặc trường hợp nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ	80.000 đồng	- Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

		sơ đăng ký hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.	hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.		sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; - Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.	
--	--	--	--	--	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:747/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh và lĩnh vực Thiết bị y tế
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thiết bị y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 56/TTr-SYT ngày 25 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh và lĩnh vực Thiết bị y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 747/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (1.012278.0 00.00.00.H4 5)	- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http:// dichvucong. phuyen.gov. vn	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Phí: - Bệnh viện: 10.500.00 0 đồng/hồ sơ - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt,	Nghị định số 42/2025/N Đ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế	Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định số 1330/QĐ -BYT ngày 18/4/202 5 của Bộ trưởng Bộ Y tế

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ			
2	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (1.012279.00.00.00.H45)		20 ngày	Phí: 1.500.000 đồng/hồ sơ (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)			
3	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (1.012280.00.00.00.H45)		-Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày; -Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 60 ngày	(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới		Sở Y tế: I. Trường hợp 1: Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm (Điều 65 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP).	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh): I. Trường hợp 1: 1.500.000 đồng/hồ sơ II. Trường hợp 2: a) Thay đổi quy mô hoạt động: - Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ. - Các hình thức tổ chức khám		Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân). II. Trường hợp 2: Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP). <i>Trường hợp 2.1:</i> Trường hợp	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ. b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật - Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sĩ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sĩ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền,		điều chỉnh giấy phép hoạt động do thay đổi quy mô giường bệnh (tổng số giường điều chỉnh không được vượt quá 100 giường bệnh) từ 10% đến dưới 50% tổng số giường bệnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc trường hợp điều chỉnh quy mô giường bệnh dưới 10% nhưng số giường điều chỉnh vượt quá 30 giường bệnh hoặc đã hoàn thành việc tự điều chỉnh quy mô giường bệnh đến dưới 50% tổng số giường bệnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật không phải danh mục kỹ thuật đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Y tế công bố theo quy định tại điểm b	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ. - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ. c) Giảm bớt danh mục kỹ thuật: Không thu phí.		khoản 1 Điều 145 Nghị định số 96/2023/NĐ -CP: 1. Bộ Y tế: a) Cục Quản lý Khám, chữa bệnh: đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế trừ các trường hợp thuộc điểm b mục này; b) Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền: đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế. 2. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (bao gồm cả bệnh viện tư nhân). <i>Trường hợp</i> 2.2. Các trường hợp còn lại: 1. Bộ Y tế: a) Cục Quản lý Khám, chữa bệnh: đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế và bệnh viện tư nhân trừ các trường hợp thuộc điểm b, c mục này; b) Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền: đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế và bệnh viện y học cổ truyền tư nhân. c) <i>Cục Phòng bệnh:</i> đối với	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh để thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh nghề nghiệp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế và Bệnh viện tư nhân. 2. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh,	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân). III. Trường hợp 3: Trường hợp bổ sung các kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt (Khoản 10 Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ -CP); Bộ Y tế	
4	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS (1.012281.0 00.00.00.H4 5)		15 ngày	Không		Sở Y tế: Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế, bao gồm cả bệnh viện tư nhân: hồ sơ gửi về Sở Y tế nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở.	

II. Lĩnh vực Thiết bị y tế

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
1	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế (1.003006)	Nộp trực tuyến qua Hệ thống tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http:// dichvucong. phuyen.gov. vn	Trong ngày	3.000.000đồng/ 1 hồ sơ	1. Nghị định số 98/2021/NĐ- CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế. 2. Nghị định số 07/2023/NĐ- CP ngày 03 tháng 3 năm	Yêu cầu đối với một số giấy tờ trong hồ sơ: 1. Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất: theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định số 1292/QĐ- BYT ngày 16/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
					2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ- CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế; 3. Nghị định số 96/2023/NĐ- CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; 4. Thôn g tư số 19/2021/TT- BYT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ- CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế; 5. Thôn g tư số 10/2023/TT- BYT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi bổ	Thông tư 19/2021/TT- BYT; 2. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485: - Được cấp bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật. - Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của cơ sở đề nghị công bố đủ điều kiện sản xuất đối với Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng. - Trường hợp tài liệu không bằng tiếng Anh hoặc không bằng tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. 3. Bản gốc có xác nhận của cơ sở đề nghị công bố đủ điều	việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thiết bị y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của của Bộ Y tế

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
					sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế; 6. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.	kiện sản xuất các giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện quy định đối với cơ sở sản xuất thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485, phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau đây: a) Có hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho, sử dụng nguyên liệu là chất ma túy và tiền chất, quá trình xuất, nhập, tồn kho thiết bị y tế, nguyên liệu có chứa chất ma túy và tiền chất; b) Thiết bị y tế, nguyên liệu có chứa chất ma túy và tiền chất được bảo quản ở một khu vực riêng trong kho hoặc	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						kho riêng, phải bảo đảm an toàn. Điều kiện về quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất thiết bị y tế 1. Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. 2. Đối với cơ sở sản xuất thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485, phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau đây: a) Có hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho, sử dụng nguyên liệu là chất ma túy và tiền chất, quá trình xuất, nhập, tồn kho thiết bị y tế, nguyên liệu có chứa chất ma túy và tiền chất; b) Thiết bị y	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						tế, nguyên liệu có chứa chất ma túy và tiền chất được bảo quản ở một khu vực riêng trong kho hoặc kho riêng, phải bảo đảm an toàn.	
2	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B 1.003029		Trong ngày	Phí thẩm định công bố thiết bị y tế loại A: 1.000.000đồng/ 1 hồ sơ Phí thẩm định công bố thiết bị y tế loại B: 3.000.000đồng/ 1 hồ sơ		Yêu cầu đối với một số giấy tờ trong hồ sơ: 1. Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại A, B: theo Mẫu số 02.01 và Mẫu số 02.02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT- BYT. 2. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485: - Còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ và bảo đảm luôn còn hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện. - Nộp bản gốc hoặc	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của cơ sở đề nghị cấp số lưu hành. - Trường hợp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng không bằng tiếng Anh hoặc không bằng tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. 3. Giấy ủy quyền của chủ sở hữu thiết bị y tế cho tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng: - Theo Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 19/2021/TT-BYT còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ, trừ trường hợp Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của Việt	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						Nam là chủ sở hữu thiết bị y tế và bảo đảm luôn còn hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện. - Đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước: Nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực; - Đối với thiết bị y tế nhập khẩu: Nộp bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc bản sao có chứng thực của bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự. 4. Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành: - Theo Mẫu quy định tại phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 19/2021/TT-BYT do chủ sở hữu thiết bị y tế cấp, trừ trường hợp thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						không có chế độ bảo hành. - Đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước: Nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực; - Đối với thiết bị y tế nhập khẩu: Nộp bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc bản sao có chứng thực của bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự. 5. Đối với Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc Bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu thiết bị y tế công bố áp dụng: Nộp bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng. Trường hợp Bản tiêu chuẩn không bằng tiếng Anh hoặc không bằng tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						thực theo quy định của pháp luật. 6. Đối với tài liệu hướng dẫn sử dụng của thiết bị y tế: Nộp bản bằng tiếng Việt có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng, kèm theo bản gốc bằng tiếng Anh do chủ sở hữu thiết bị y tế ban hành đối với thiết bị y tế nhập khẩu. Trường hợp tài liệu hướng dẫn sử dụng không bằng tiếng Anh hoặc không bằng tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. 7. Đối với mẫu nhãn: Nộp bản mẫu nhãn có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng. Mẫu nhãn phải	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về nhân hàng hóa. 8. Đối với giấy chứng nhận lưu hành tự do: Nộp bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc bản sao có chứng thực của bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Trường hợp giấy chứng nhận lưu hành tự do không bằng tiếng Anh hoặc không bằng tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. 9. Đối với bản kết quả đánh giá các thông số hóa, lý, vi sinh và các thông số khác do cơ sở đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp cấp hoặc Giấy chứng nhận	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						đánh giá chất lượng do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thiết bị y tế chẩn đoán in vitro: Nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực. Điều kiện của tổ chức được đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng 1. Tổ chức được đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng bao gồm: a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của Việt Nam là chủ sở hữu thiết bị y tế; b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của Việt Nam được ủy quyền của chủ sở hữu thiết bị y tế; c) Văn phòng đại diện thường trú tại Việt Nam của thương nhân nước ngoài mà thương nhân đó là chủ sở hữu	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						thiết bị y tế hoặc được ủy quyền của chủ sở hữu thiết bị y tế. 2. Tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng phải có cơ sở bảo hành tại Việt Nam hoặc phải có hợp đồng với tổ chức đủ năng lực bảo hành thiết bị y tế, trừ trường hợp các thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành. Trường hợp tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì chủ sở hữu thiết bị y tế phải có cơ sở bảo hành tại Việt Nam hoặc phải có hợp đồng với cơ sở đủ năng lực bảo hành thiết bị	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						y tế, trừ trường hợp các thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành. Cơ sở bảo hành phải được chủ sở hữu thiết bị y tế chứng nhận đủ năng lực bảo hành sản phẩm.	
3	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D (1.003039)		Trong ngày	3.000.000đồng/ 1 hồ sơ		Yêu cầu đối với một số giấy tờ trong hồ sơ a) Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D: theo Mẫu số 04 thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BYT; b) Bản kê khai nhân sự: theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BYT; c) Các giấy	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						tờ chứng minh kho bảo quản, phương tiện vận chuyển thiết bị y tế đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định 98/2021/NĐ-CP: Các giấy tờ này phải được xác nhận bởi cơ sở công bố đủ điều kiện mua bán; d) Các giấy tờ chứng minh kho bảo quản, hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định 98/2021/NĐ-CP: Các giấy tờ này phải được xác nhận bởi cơ sở công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất. Điều kiện	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						của cơ sở mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D 1. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật có trình độ cao đẳng chuyên ngành kỹ thuật, chuyên ngành y, được, hóa học, sinh học hoặc cao đẳng kỹ thuật thiết bị y tế trở lên hoặc có trình độ cao đẳng trở lên mà chuyên ngành được đào tạo phù hợp với loại thiết bị y tế mà cơ sở mua bán. 2. Có kho bảo quản và phương tiện vận chuyển đáp ứng các điều kiện tối thiểu sau đây: a) Kho bảo quản: - Có diện tích phù hợp với chủng loại và số lượng thiết bị y tế được bảo quản, - Bảo đảm thoáng, khô ráo, sạch sẽ, không gần các nguồn gây ô	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						nhiệm, - Đáp ứng yêu cầu bảo quản khác của thiết bị y tế theo hướng dẫn sử dụng. b) Phương tiện vận chuyển thiết bị y tế từ cơ sở mua bán đến nơi giao hàng phù hợp với loại thiết bị y tế mà cơ sở mua bán. Trường hợp không có kho hoặc phương tiện bảo quản thiết bị y tế phải có hợp đồng với cơ sở đủ năng lực để bảo quản và vận chuyển thiết bị y tế. 3. Đối với cơ sở mua bán thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất: a) Người phụ trách chuyên môn phải có trình độ đại học chuyên ngành thiết bị y tế, y, dược, hóa dược hoặc sinh học. b) Có kho bảo quản đáp ứng quy định tại Điều 7 Nghị	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
						định số 80/2001/NĐ -CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ hướng dẫn việc kiểm soát các hoạt động liên quan đến ma túy ở trong nước. c) Có hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất.	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.